

**ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM**  
**KINH TÙY SỐ DIỄN NGHĨA SAO**  
**QUYỂN 43**

- **Thứ hai:** Nhiều Ích Hạnh.

- Số câu: “đều hiển bày ba Tự”: Tức rộng hẹp đều hiển bày.

- Câu: “Thứ nhất, câu đầu là chung, bao gồm chung cả ba Tự”: Là trong phần tóm lược đã nêu đủ.

- Nói “Tức tự tánh của Giới”: Là một của chín giới.

Câu: “Cõi ý không cấu nhiễm là luật nghi đích thực”: Là nêu ra Tướng của ba Tự. Tâm dấy khởi tức phá Bồ tát giới.

- Nói “Cũng vì chúng sinh mà giảng nói” tiếp xuống: Là phần Nhiếp chúng sinh giới. Phần tiếp dưới làm rõ về ý trì giới đã bao gồm nơi phần “Nhiếp thiện”.

- Câu: “Cũng là nơi Quả không nương tựa”: Tức là một giới thứ chín thanh tịnh.

- Số câu: “Nghĩa là tất cả lợi dưỡng v.v...”: Là nêu ra tướng bền vững. Tứ phần giới nói: “Người sáng suốt có thể giữ giới, có thể đạt được ba thứ an lạc, là tiếng khen, lợi dưỡng, khi chết được sinh lên cõi Trời. Nếu trông mong về ba thứ ấy thì chẳng phải là sự kiên trì chân thật”.

- Số từ câu: “Bản, Tùy phiền não” tiếp xuống: Tức kinh tự nêu ra phần giải thích, lại nêu rõ đủ về “Triền” tức là Tùy phiền não. “Phược” là Căn bản phiền não.

- Nói “Tất cả ác được dừng lại”: Tức là Luật nghi. Thiện hành tức là “Nhiếp thiện”.

- Số từ câu: “Triền (vây buộc) tức là tám thứ Triền” tiếp xuống: Là giải thích về chữ Triền ấy. Văn nơi bản Số giải gồm năm:

Một: Giải thích tám tên gọi.

Hai: Biện giải về chướng ngại nghiệp.

Ba: Giải thích tên gọi chung.

Bốn: Nêu rõ về mười Triền.



Năm: Tóm kết, chỉ rõ.

Nơi phần một, tám thứ Triền như Luận đã rộng giải thích của Luận. “Vô tâm, vô quý” thì đến phẩm Thập Tạng sẽ biện minh rộng. sáu thứ còn lại thì trước sau đã nhiều lần nói tới v.v....

Hai: Từ câu: “Hai chương đầu là đối với Giới” tiếp xuống: Là Biện giải về chương nơi nghiệp. Luận Tập Tập quyển thứ bảy nói: “Lúc tu tập về Giới thì “Không biết hổ”, “Không biết thẹn” là chương ngại. Do có đủ hai pháp ấy nên huỷ phạm các “Học xứ” mà không biết xấu hổ.

- Câu: “Hai chương tiếp theo là đối với Chỉ”: Luận viết: “Nghĩa là lúc tu tập về Chỉ, thì hai pháp Hôn trầm, Thủy miên là chương ngại từ bên trong, dẫn tới việc bị chìm đắm. Lúc tu tập về trí tuệ, thì hai pháp Trạo cử, Ác tác là chương ngại từ bên ngoài, dẫn đến sự tán loạn”.

**Giải thích:** Ở đây, Luận đã căn cứ theo hướng thuận của hai chương. Nay phần Số giải nêu ngược lại, do căn cứ theo hướng nghịch nơi chương. Trạo cử, Ác tác, chính là những trái ngược với Chỉ. Hôn trầm, thủy miên chính là chương ngại đối với Tuệ.

- Câu: “Hai chương sau là đối với Xả”: Luận viết: “Lúc tu tập về xả thì keo kiệt, ganh ghét là chương ngại. Do tác động của hai pháp ấy nên đối với tự lợi, lợi tha, tâm luôn bị khuấy động trong sự tiếc rẻ, ganh ghét.

- Số câu: “Tức gây chương ngại nơi pháp thiện, tạo lợi ích”: Tức Chỉ, Quán là pháp thiện, Xả là tạo lợi ích.

- Số câu: “Về tướng trạng trong tu tập thì vây buộc thân tâm”: Là phần ba giải thích về tên gọi chung. Cũng là nêu ra lý do nói nhấn mạnh về một bên. Bản Luận viết: “Thường xuyên tăng trưởng mạnh sự vây buộc nơi Tâm nên gọi là Triền”. Phần Thích Luận nói: “Do các Triền ấy luôn luôn tăng trưởng mạnh, tạo sự vây buộc nơi tâm của người hành Quán nên là chương ngại đối với việc tu tập pháp thiện”.

- Số câu: “Hoặc nói mười Triền”: Là phần bốn nêu rõ về mười Triền, Luận Câu Xá, phẩm thứ năm là Tuỳ Miên, phần Tụng nói:

*“Triền tám, Vô tâm, quý, Tật, Xan  
Cùng Hối, Miên, Trạo cử, Hôn trầm”  
Hoặc mười thì thêm Phẫn và Phú”*

**Luận viết:** “Tám Triền, về phẩm loại đã bàn luận đủ. Hoặc nói mười loại, như Luận sư của Luận Tỳ Bà Sa nói, đối với lúc bị nêu ra tội đã là hai chương: Phẫn do khiến tâm phát sinh giận dữ là Tánh. Phú lấy sự che giấu tội của chính mình làm tánh.

- Sở từ câu: “Đây tức là Tuỳ phiền não” tiếp xuống: Là phần năm, tóm kết, chỉ rõ.

- Sở câu: “Phước nghĩa là bốn thứ trói buộc”: Là nói về Phước.

Gồm hai:

Một: Nêu ra.

Hai: Lãnh hội về kinh.

Một: Các Luận như Tạp Tập v.v... chỉ nói có ba Phước, tức là tham sân si. Do ba thứ trói buộc này nên khiến các chúng sinh phải ở nơi ba khổ. Nay nói bốn thứ, tức vẫn nơi Địa thứ ba của kinh này. Cũng cho rằng, Bồ tát ấy ở nơi tất cả các sự trói buộc của Dục (Dục phước) của Sắc, của sinh tử, của Vô minh đều khiến trở nên giảm thiểu”.

**Giải thích:** Đây tức là phiền não và Vô minh của ba cõi trong sự nghiệp tu đoạn vốn phải đoạn. Nơi chỗ ngoài “Kiến phước” nói bốn, cùng với trước tức “Trụ địa hoặc” là năm. Nay, bốn thứ phước này tức xét thứ lớp nơi văn.

- Từ câu: “Tham lợi chẳng toại nguyện” tiếp xuống: Là lãnh hội về bốn Tướng ấy nơi kinh.

Thứ nhất, Tham lợi, tức kinh nói Tham cầu là một.

Hai: Nhiệt não tức là Sân hận.

Ba: Các nạn bức bách, huỷ báng, tức là Giới thủ.

Bốn: Ô trược mê loạn tức là Ngã kiến.

Tức chính ở nơi Trì giới mà nói bốn loại. Nhưng về Giới thủ kia thì do Si mà sinh, chẳng rõ các nạn mà sinh. Huỷ báng cũng là Tà kiến, đồng với ý nơi ba nghiệp. Do vậy cũng không ra ngoài ba độc cùng với kiến chấp. Ngã kiến với sự chấp giữ là chủ của các kiến chấp.

- Sở câu: “Chẳng huỷ phạm, chẳng giữ gìn”: Là giải thích câu kinh: “Đạt được chánh pháp bình đẳng của Phật khen ngợi”. Cho nên kinh Tịnh Danh quyển thứ ba, phẩm “Thấy Phật A Súc” viết: “Chẳng phải bố thí, chẳng phải keo kiệt. Chẳng phải giữ giới, chẳng phải phạm giới, chẳng phải nhẫn nhục, chẳng phải giận dữ, chẳng phải tinh tấn, chẳng phải biếng trễ, chẳng phải định ý, chẳng phải loạn động, chẳng phải trí tuệ, chẳng phải ngu si...” chẳng phải thành thật, chẳng phải lừa dối, chẳng phải xuất ra, chẳng phải nhập vào.

Nay chọn lấy cách thế diễn đạt ấy nhưng chỉ áp dụng nghĩa trong một phần là Giới. Chẳng huỷ phạm nên Sự tướng không trái nhau, chẳng chấp trì nên thấu rõ Giới là rỗng lặng. (Không tịch)

- Sở câu: “Thứ nhất là Nhiếp luật nghi... ba là Nhiếp thiện pháp v.v...”: Tức nơi Luận Duy Thức thập độ chỉ có ba nói ba tên gọi mà

không có giải thích. Còn như Lương Nhiếp Luận trong phần nói về ba Học đã có giải thích đủ. Bản Luận quyển trung viết: “Một là Nhiếp Luật nghi giới, tức là chính phải xa lìa các pháp cần xa lìa. Hai là Nhiếp Thiện pháp giới, nghĩa là chính thức tu tập chứng đắc các pháp cần tu chứng. Ba là Nhiều ích hữu tình giới, nghĩa là chính thức đem lại mọi lợi lạc cho tất cả chúng sinh.” Ngài Vô tánh giải thích: “Luật nghi giới, đó là đối với pháp bất thiện nên xa lìa, giữ gìn, thọ trì giới pháp. Do có thể phòng giữ các pháp ác, bất thiện nơi thân nghiệp, khẩu nghiệp v.v... Cho nên gọi là Luật nghi. Nhiếp Thiện pháp giới là có thể khiến chứng đắc hết thảy các pháp Phật như Lực, Vô úy v.v... Nhiều Ích hữu tình giới là có thể hỗ trợ cho chúng sinh về chỗ tạo tác đúng như pháp, phân bố bình đẳng, không tạo nghiệp tội lỗi, đem lại sự thành tựu trọn vẹn cho chúng sinh”. Có chỗ cho rằng hai pháp sau dựa nơi pháp trước mà tạo lập.

**Giải thích:** Từ đây trở xuống là giải thích về lý do của việc tạo lập ba pháp. Ngài Vô tánh nói: “Ở đây có thể tạo lập hai giới sau, là do tự phòng giữ nên có thể tu tập, cúng dường Phật vun trồng thiện căn, cùng đem lại lợi ích cho chúng sinh”. Ngài Thế Thân nói: “Do trụ nơi luật nghi nên có thể kiến lập “Nhiếp thiện pháp giới”. Do trụ Luật nghi này mà tu tập tất cả pháp Phật chứng đắc đại Bồ đề. Lại có thể từ giới tạo lập mọi ích lợi cho chúng sinh, vì vậy nên có thể đem lại sự thành tựu đầy đủ cho mọi loài”.

Chuẩn theo Lương Nhiếp Luận cùng Thích luận, giải thích là nói: “Nếu người không xa lìa pháp ác, thì việc thâu tóm điều thiện và lợi tha chẳng thể thành tựu”. Có chỗ nói hai pháp trước tạo thành một pháp sau. Lương Nhiếp Luận viết: “Nếu người an trụ nơi hai thứ tịnh giới trước thì có thể dẫn dắt, thâu tóm phần giới đem lại lợi ích cho chúng sinh, là đem lại sự thành tựu đầy đủ cho người khác”.

Về ba giới ấy thì ý chính là đồng với trước. Do đó, Luận kia nêu: “Ba thứ giới này tức là nhân của bốn Vô úy”. Vì sao? Vì giới thứ nhất là Đoạn đức. Giới thứ hai là Trí đức. Giới thứ ba là Ân đức. Mà bốn Vô sở úy không ra ngoài ba đức. Vì thế mà nói Giới có ba thứ. Kinh Bản Nghiệp viết; “Giới có ba duyên: Một là Tự tánh giới. Hai là Thiện pháp giới. Ba là Lợi ích chúng sinh giới”. Nghĩa đều giống nhau.

- Số câu: “Thứ nhất, tức giữ vững giới pháp không huỷ phạm là sự khó khăn thứ nhất”: Tức là môn “Nan Hành giới”. Dựa theo Luận Du Già quyển thứ bốn mươi hai, có nói đến ba loại Nan hành giới:

Một: Tức là Bồ tát hiện tại có đủ tài sản, tộc họ lớn, tăng trưởng

tự tại, đã dứt bỏ mọi thứ kia để thọ nhận đủ luật nghi, tịnh giới của Bồ tát, đó là “Nan hành giới” thứ nhất.

Hai: Bồ tát hoặc gặp phải hoạn nạn cấp bách, cho đến phải mất cả thân mạng, thì đối với giới pháp đã thọ trì hãy còn không hề giảm, thiếu, hưởng hồ là hoàn toàn huỷ phạm, đó là Nan hành giới thứ hai

Ba: Như thế là Bồ tát, đối với tất cả uy nghi, đi đứng, tác ý, luôn an trụ nơi chánh niệm, không hề buông lung, cho đến khi mạng chung, đối với các giới pháp đã thọ trì không có sự lầm lỗi, hãy còn chẳng phạm giới khinh, hưởng chi là huỷ phạm giới trọng, đó là Nan hành giới thứ ba.

**Giải thích:** Ở đây là loại thứ nhất. Hai loại tiếp theo thì trong phần Sở giải đã nêu đủ.

- Sở câu: “Kỳ đà, Mạt lợi, là rượu mà chính là giới”: Tức phu nhân Mạt Lợi vì nhằm cứu con của người chủ mà đã uống rượu, hoa hương thơm, trang sức... Thái tử Kỳ đà, vì thuận theo người trong nước nên cũng hoà đồng, uống rượu mà không quên giới.

- Sở câu: “Dấy khởi một cách sâu xa tâm đại bi là Tướng của Thiện Sĩ giới”: Luận viết: “Thế nào là Thiện sĩ giới của Bồ Tát? Nên biết Giới này lược có năm loại:

Một: Các Bồ tát tự có đầy đủ về Giới pháp

Hai: Khuyến khích người khác thọ trì giới.

Ba: Tán dương công đức của Giới.

Bốn: Thấy người cùng pháp thì thâm tâm hoan hỷ.

Năm: Ví như có huỷ phạm thì theo đúng như pháp mà sám hối, dứt trừ.

**Giải thích:** Nay chính là tương đương với loại thứ ba, văn nơi phần Sở giải đã tự phối hợp. “Tự có đủ về giới pháp” thì văn nơi trước đã có nói đến. Còn phần “đã huỷ phạm thì khiến sám hối, dứt trừ” thì trong văn nơi phần Sở giải đã lược bỏ không nói.

- Sở câu: “Nghĩa là dựa nơi chỗ tương tự để chấp giữ là thật”: Chúng sinh là Y tha tự như có. Điên đảo tức là chấp giữ chỗ tương tự là thật. Như dựa nơi Y tha của sợi dây mà chấp là con rắn thật.

- Sở câu: “Dựa nơi chấp mà tương tự dấy khởi”: Tức Duy Thức nói:

*“Y tha khởi tự tánh Duyên  
phân biệt sinh ra”.*

Nghĩa là dựa theo chỗ chấp của Biến kế dấy khởi cái tương tự của Y tha. Tương tự tức là chúng sinh.

- Sở câu: “Đối thứ hai nêu rõ chẳng cùng tồn tại”: Tức chẳng ở trong điên đảo mà có chúng sinh.

- Sở câu: “Nói chẳng lia”: Câu này là nhắc lại phần trước. Trên nói “chẳng lia chúng sinh mà có điên đảo, là biện minh nhân quả cùng đối đãi mới đạt được duyên thành”: Là giải thích nghĩa trên. “Dựa nơi tương tự chấp là thật” là đợi quả thành nhân. “Dựa nơi chấp, tương tự dấy khởi” là đợi nhân thành quả. Trên là biện giải về chỗ đúng của đối trước.

- Từ câu: “Chẳng phải là trước đã có Thể” tiếp xuống: Là phân biệt về chỗ sai của đối trước. Tức là “Môn trước có trước không”

- Từ câu: “Trong nhân không quả” tiếp xuống: Là chỉ rõ về nghĩa đúng kia là để giải thích hai câu trong văn của kinh, đều gồm hai:

Một: Nêu rõ theo hướng thuận về nghĩa chính.

Hai: Hiện bày theo hướng nghịch về lỗi của phần trước có.

Một: Nói “Trong nhân không quả, nên trong điên đảo không có chúng sinh”: Là nói theo hướng thuận về nghĩa chính.

Tiếp theo, nói “Nếu thế thì” tiếp xuống: Là giải thích theo hướng nghịch để phân biệt với chỗ sai.

Chẳng phải là trước có, nên Biến kế là nhân, trong nhân có quả. Do đó, trong Biến kế có Y tha khởi.

- Từ câu: “Trong quả không nhân, nên trong chúng sinh không có điên đảo”: Là nói theo hướng thuận về nghĩa đúng.

- Từ câu: “Như cần khiến có” tiếp xuống: Là giải thích theo hướng nghịch để phân biệt về chỗ sai.

Nếu quả có nhân có chúng sinh v.v... tức có điên đảo. Nay thì có chúng sinh chẳng điên đảo, nên biết trong quả không có nhân.

Trong đối thứ ba, nói: “Chẳng huỷ hoại về nhân quả, chủ thể, đối tượng nơi biến kế”: Nhân tức là Chủ thể biến kế, Quả tức là đối tượng được biến kế. Đối tượng được biến kế tức là Y tha.

- Từ câu: “Do ba đối trước” tiếp xuống: Là tóm kết quy về Trung đạo.

- Sở câu: “Đối thứ tư hợp với Thể để biện giải”: Tức chẳng đối chiếu với chúng sinh để nói về điên đảo, nên cũng đều trước là biện minh theo hướng thuận, sau là hiện bày theo hướng nêu ngược lại. Như tâm điên đảo là dựa nơi cảnh mới sinh. “Chẳng phải là trong” tức là biện minh theo hướng thuận. Tiếp theo nói “Nếu là bên trong” tiếp xuống: Là hiện bày theo hướng nêu ngược lại.

- Sở từ câu: “Đã nhận biết như thế” tiếp xuống: Là tóm kết, xác

nhận về hai lợi.

- Sớ câu: “Thật thì hàng phàm ngu tự dối mình”: Như loài khỉ, vượt cầm giữ lấy ánh trăng, ánh trăng há có tâm lừa dối đối với chúng? Còn hàng phàm ngu chấp điều giả làm thật thì rõ là tự dối mình. Kinh viết: “Hàng phàm ngu tự dối” tức là hạng ngu tối chẳng thấu rõ về nghĩa của cảnh giới, giống như là tự dối mình”.

- Sớ câu: “Tức là quả của chỗ thành tựu từ Bi, Trí nêu trước”: Lãnh hội như thế tức biết rõ về tất cả v.v... là quả của Trí. Thông đạt sinh tử cùng với Niết-bàn gồm đủ hai quả. Có đại bi nên thông đạt về sinh tử. Có đại trí nên thấu tỏ về Niết-bàn.

Lại nữa, tự độ v.v... tức là quả của Trí. Khiến cho kẻ khác được độ đức là quả của Bi. Hai lợi đều gồm đủ tức là quả của Bi, Trí.

- Sớ câu: “Cũng là giới pháp khiến hai đời đều an lạc trong chín giới”: Luận viết: “Cho nên biết Giới này lược có chín loại”:

Một: Chư vị Bồ tát vì các chúng sinh, đối với các nơi chốn nên ngăn chặn đã chính thức ngăn chặn, dứt bỏ.

Hai: Đối với những nơi chốn cần mở ra, đã chính thức mở bày, thâm nhận.

Ba: Những chúng sinh ấy nên được thu phục, giáo hoá thì đã chính thức thu phục hoá độ.

Bốn: Đối với các chúng sinh cần điều phục thì chính thức điều phục Bồ tát đối với hai nghiệp thân ngữ luôn chuyển biến thanh tịnh, đó gọi là bốn thứ Giới thành tịnh.

Lại năm độ còn lại như Bồ thí, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Tĩn lực, Bát-nhã Ba-la-mật đa cùng thực hành Tịnh giới, tức là năm loại, cộng chung là chín loại Tịnh giới, có thể khiến cho mình, người, với pháp hiện tại và vị lai đều được an lạc”.

**Giải thích:** Nay chỉ nói chung về quả của Bi, Trí. quả của Trí thì thấu rõ tất cả Hành, tức tương ứng với Bát-nhã.

Nếu phối hợp riêng, thì khiến cho kẻ khác giải thoát, lìa mọi cấu nhiễm, tức là ngăn chặn, dứt trừ. (Già); mở bày thâm nhận (khai) đây tức là hai Giới: Hạn chế và chấp thuận. Có thể nhờ lìa mọi cấu nhiễm, đạt giải thoát. Bồ tát khiến cho kẻ khác được an ổn, tức là thu phục, giáo hoá, còn khiến cho kẻ khác được điều phục thì tên gọi hoàn toàn giống. Đều khiến cho kẻ khác nơi hai đời đều được an lạc.

Năm độ còn lại hỗ trợ cho Giới, trong đó bao gồm cả phần “Nhiếp thiện pháp giới”.

- **Thứ ba là:** Hạnh không trái nghịch.



- Sớ câu: “Khiêm tốn thì ở địa vị tôn quý mà đạo càng sáng tỏ, ở địa vị thấp mà chẳng ai vượt mình được”: Tức nơi sách Chu dịch, quẻ khiêm (địa Sơn Khiêm): “Khiêm tốn, hanh thông, người quân tử giữ được trọn vẹn, tốt”.

Thoán truyện nói: “Khiêm tốn, hanh thông. Đạo của trời, vì ở trên đi xuống chỗ thấp mà sáng tỏ. Đạo của đất vì chịu ở dưới mà đi lên. Đạo của trời, cái gì đầy thì làm cho khuyết đi, cái gì thấp kém thì bù đắp cho. Đạo của đất, cái gì đầy thì làm cho biến chuyển, chỗ thấp kém thì mang đến cho. Đạo của quỷ thần, cái gì đầy thì hại bởi đi, chỗ thấp kém thì tạo phước cho. Đạo của người thì ghét sự đầy tràn mà ưa thích sự khiêm tốn. Khiêm tốn thì ở địa vị tôn quý mà đạo càng sáng tỏ, ở địa vị thấp mà chẳng ai có thể vượt mình. Là sự trọn vẹn của người Quân tử”...

**Giải thích:** Văn nêu dẫn trên về Tượng đều hiển bày, song hình tượng của Quẻ khiêm (Trên là quẻ Khôn: Đất dưới là quẻ Cấn: Núi) thì đất ở trên, núi ở dưới, núi kết hợp để ra khỏi đất. Nay “Hội nhập nơi đất thấp” là hình tượng của sự khiêm tốn.

Lại nói: “Bầu đa” thì “Bầu” là tụ hội, tụ hội nhiều để bù đắp cho chỗ ít, là nghĩa “Bù đắp cho chỗ thấp kém” nên hiện bày sự quân bình.

Như “Vương chú” thì cho rằng: “Nhiều thì dùng sự khiêm tốn để bớt đi. Ít thì dùng sự khiêm tốn để tăng thêm. Tuy theo chỗ hiện bày của vật mà chẳng làm mất sự quân bình”. Khiêm tốn là gốc của nhẫn.

- Sớ câu: “Như chỗ thấp của Biển”: Tức ý nơi sách Đạo Đức kinh của Lão Tử: “Sông biển sở dĩ làm vua của trăm khe, lạch là vì khéo ở dưới thấp, nên có thể làm vua của trăm khe, lạch. Vì vậy Thánh nhân muốn ở trên dân thì lời nói phải khiêm hạ; muốn ở trước dân thì phải lùi lại sau. Do đó, Thánh nhân ở trên mà dân không thấy nặng cho mình, ở trước mà dân không thấy hại cho mình...”

**Giải thích:** Chính là do khiêm tốn, ở nơi thấp mà thiên hạ quy về. Tức đức trong thiên hạ hướng về.

- Sớ câu: “Một là không như cảnh giới trước mà tự gây hại”: Thiên Cung nói: “Tự hại lược có năm duyên, đó là Tham, Sân, Tà kiến, ngu si, tâm bất thiện”.

- Sớ câu: “Thật tâm tán dương người khác”: Tức nơi Trí Luận, quyển thứ năm mươi ba nói: “Tôn giả Xá-lợi-phất tán thán Tôn giả Tu-bồ-đề là khéo thuyết pháp. Người có tướng tốt chẳng tự khen ngợi, chẳng tự chê bai, đối với người ngoài, kẻ khác cũng chẳng khen ngợi, chê bai. Nếu tự tán dương thì chẳng phải là tướng của hạng đại nhân, vì

chẳng phải được người khen ngợi mà liền tự tốt đẹp. Nếu tự chê bai, là kẻ vờ vinh, giả dối. Nếu chê bai kẻ khác là kẻ gièm pha, hãm hại. Nếu tán dương kẻ khác thì là kẻ dua nịnh. Tôn giả Tu-bồ-đề thấu rõ pháp vô sinh. Còn Tôn giả Xá-lợi-phất thì tuy tán dương mà chẳng dua nịnh, do điều tán dương ấy xứng hợp với sự thật. Lại do đã đoạn trừ pháp ái, tâm không cao ngạo, cũng chẳng tham ái, chấp trước, chỉ làm tăng nhân của sự không chướng ngại, đó là hết thấy các pháp không có nơi chốn nương tựa nên không chướng ngại”.

Lại nói: “Thủ tức là chấp trước”: Duy Thức, quyển thứ tám, trong phần giải thích về ba thứ Huân tập đã nói: “Mê lầm về khổ gọi là Thủ, tức chủ thể thủ, đối tượng được thủ. Thủ là nghĩa chấp trước. Sự tạo tác không đạt được gọi là thủ chấp.” Trí Luận cho sự tăng trưởng của Thủ là chấp trước. Quyển thứ bảy mươi bốn viết: “Mới cấu nhiễm là Thủ. Phát sinh Ái gọi là chấp trước”.

- Số câu: “Trên đây nói đều là Thanh tịnh nhãn”:

**Luận viết:** Lược có mười thứ.

Một: Nghĩa là các vị Bồ tát gặp trường hợp kẻ khác tạo những sự việc không đem lại lợi ích, gây tổn hại, chống trái, nhưng Bồ tát hoàn toàn không đáp trả.

Hai: Bồ tát cũng không có ý giận dữ.

Ba: Cũng chẳng oán hờn, hiềm khích.

Bốn: Tâm ý luôn vui vẻ, hiện rõ nhằm tạo lợi ích, trước sau không khác, chẳng phải chỉ một lần tạo lợi ích xong thì bỏ, chẳng tạo nữa.

Năm: Đối với kẻ có oán kết tự sinh hối lỗi, trọn chẳng khiến cho người khác sinh khổ nhọc, sau đấy mới nhận sự hối lỗi.

Sáu: Đối với điều chẳng thể nhẫn được, thì luôn tăng trưởng sự hờn thẹn mãnh liệt.

Bảy: Dựa nơi sự nhẫn chịu, ở chỗ bậc đại sư, luôn tăng trưởng tâm yêu kính mãnh liệt.

Tám: Dựa nơi sự chẳng gây tổn hại, khổ não cho các chúng sinh, nên đối với mọi loài luôn có tâm thương xót, yêu thích mãnh liệt.

Chín: Tất cả những gì chẳng phải Nhẫn cùng các pháp hỗ trợ ấy đều được đoạn trừ.

Mười: Là bỏ mọi tham dục nơi dục giới.

Do mười Tướng này nên biết chỗ tu tập pháp Nhẫn thanh tịnh, dứt mọi cấu nhiễm của Bồ tát”.

**Giải thích:** Chẳng thể phối hợp riêng, nhưng về đại ý thì giống với kinh.

- Sớ câu: “Thứ nhất là nhẫn nại đối với sự oán hại”:

Về nghĩa của ba Nhẫn đã nêu một cách tóm lược nơi Hội thứ nhất. Nay lại dựa theo Nhiếp Luận để giải thích. Ngài Vô tánh nơi Nhiếp Luận giải thích nói: “Nhẫn nại đối với sự oán hại” là chỉ cho các chúng sinh. Ngài Thế Thân giải thích: “Có thể nhẫn nhục đối với những việc làm oán hại của người khác. Lúc siêng năng tu tập tạo lợi ích cho chúng sinh, do diệu lực của pháp nhẫn này mà giáo hoá họ, tuy khổ nhọc mà không thối chuyển”.

- Nói “An thọ khổ nhẫn” Tức là nhân của sự thành Phật. Dù nóng, lạnh, đói, khát cùng vô số sự khổ, đều có thể nhẫn chịu, không hề thối chuyển.

- Nói “Xem xét kỹ về pháp nhẫn”: Là nơi chốn nương tựa của hai Nhẫn nêu trước, cho thấy gắng nhẫn chịu là pháp hết sức sâu xa rộng lớn. Ngài Thế Thân nói: “Gắng sức quan sát, xét kỹ về các pháp, hoặc do xét kỹ là chỗ nương tựa của hai Nhẫn trước”. Ngài Thế Thân giải thích: “Do diệu lực của pháp Nhẫn ấy nên tạo lập hai Nhẫn như đã nói ở trước”. Lương Nhiếp Luận viết: “Do quan sát pháp Nhẫn, Bồ tát có thể hội nhập nơi chân lý của các pháp. Nhẫn ấy tức là nơi chốn nương tựa của hai Nhẫn trước. Do có thể dứt trừ hai thứ chấp về người, pháp”.

- Sớ câu: “Đây cũng là Nan hành nhẫn trong chín môn”: “Nan Hành nhẫn” có ba loại:

- Một: Nhẫn đối với hạng chúng sinh yếu kém với chỗ chẳng tạo lợi ích.

- Hai: Nhẫn từ hàng quan lại đến hạng nô bộc với chỗ chẳng tạo lợi ích.

- Ba: Nhẫn đối với chủng tánh thấp hèn, với chỗ chẳng tạo lợi ích. Ở đây thì đồng với loại thứ ba, thứ nhất.

- Sớ câu: “Như nói cái lợi thù thắng ấy đã thành sự thực hiện Thiện sĩ nhẫn”: Luận viết: “Thiện sĩ nhẫn có năm loại:

Một: Nghĩa là các vị Bồ tát, trước hết, ở nơi chỗ nhẫn kia, thấy rõ những điều lợi thù thắng, tức là có thể thành Bồ-đặc-già-la nhẫn chịu, nơi đời vị lai không có nhiều oán địch, không có nhiều sự trái lìa, có nhiều sự vui thích, khi lâm chung không hối hận, sau khi thân hoại sẽ được sinh vào cõi Thiện trong thế giới các cõi Trời. Nhận thấy điều lợi thù thắng đã tự có thể nhẫn chịu.

Hai: Khuyến khích kẻ khác thực hành pháp Nhẫn.

Ba: Tán dương công đức của Nhẫn.

Bốn: Thấy Bồ-đặc-già-la có thể thực hành Nhẫn ý muốn chúc

mừng

Năm: Nên có nhẫn, ví như có nhẫn mà chẳng nhẫn được, thì đúng như pháp sám hối để diệt trừ.

Mà nơi phần Số giải nói: “Điều lợi thù thắng ấy” chính là loại thứ ba: Tán dương công đức của Nhẫn...

- Số câu: “Cho nên Tụng nói về sự rèn luyện...”: Tức là ba thứ rèn luyện tâm, để đoạn trừ một trong bốn xứ chướng ngại.

Bồ tát Vô tánh nơi Nhiếp Luận thích quyển thứ sáu, phần giải thích về Nhập hiện quán, viết: “Do cái gì để có thể hội nhập? Là do chỗ nhận lãnh, duy trì diệu lực của thiện căn. Tức là dùng ba thứ rèn luyện tâm để đoạn trừ bốn xứ chướng ngại. Như nơi Luận Duy Thức, quyển thứ chín biện minh về Tư Lương vị, giải thích về hai Thủ, Tùy miên, còn chưa thể diệt trừ hẳn (phục diệt). Nói nên hai chướng của vị này chưa dứt trừ hết, lúc tu tập hạnh thù thắng, có ba sự thối chuyển, nhưng có thể do ba sự rèn luyện nơi tâm, nên đối với chỗ tu chứng đã vững mãi, không thối chuyển:

Một: Nghe nói đạo quả Bồ đề vô thượng là rộng, lớn, sâu xa tâm liền thối chuyển, khuất phục, nên nêu dẫn người khác, đối chiếu với chính mình, chứng minh cho đạo quả đại Bồ đề, để rèn luyện tự tâm, vững mãi không thối chuyển.

**Giải thích:** Đây tức là rèn luyện thứ nhất nói về quả vị Bồ đề rộng lớn, nên dẫn người khác để đối chiếu với mình mà rèn luyện. Rộng là vô biên. Lớn là vô thượng. Sâu là khó lường tính. Xa là thời gian rất dài. Do đây nên có sự thối chuyển, cần nêu dẫn gương người khác để rèn luyện. Phần Tụng của Nhiếp Luận có câu:

*“Các chúng sinh mười phương thế giới.  
Niệm niệm chóng thành quả Thiện Thệ  
Kia đã trượng phu, ta cũng vậy  
Chẳng nên tự khinh mà thối chuyển.”*

**Luận Duy Thức viết:** “Hai là nghe các pháp Ba-la-mật như Bồ thí v.v... hết sức khó khăn để có thể tu tập, tâm liền sinh thoái khuất, nên tự đánh thức tâm ý ưa thích các pháp đó của mình để có thể tu tập các pháp như Bồ thí v.v... rèn luyện tự tâm, vững mãi không thối chuyển.”

**Giải thích:** Đây tức là rèn luyện thứ hai, nói về muôn hạnh khó tu tập, tự thân phải thức tỉnh để tăng thêm nỗ lực cho việc tu trì. Phần Tụng nói về rèn luyện tâm nêu:

*“Xưa, ông trải nhiều kiếp nẻo ác  
Lao khổ vô ích hãy còn vượt*

*Nay hành ít thiện đạt Bồ đề  
Lợi lớn chẳng nên sinh thối chuyển”.*

**Luận Duy Thức viết:** “Ba là nghe sự chuyển dựa viên mãn của chư Phật là hết sức khó khăn để có thể chứng đắc, nên tâm liền thối chuyển, khuất phục, nên nêu dẫn điều thiện thô của người khác để đối chiếu với nhân diệu của chính mình, rèn luyện tự tâm, dũng mãnh không thối chuyển”.

**Giải thích:** Đây là rèn luyện thứ ba nói về nẻo chuyển dựa khó chứng đắc nên nêu dẫn điều thô đối chiếu với chỗ diệu. Phần Tụng của sự rèn luyện có câu:

*“Hết thấy hàng phàm phu, bác địa  
Còn muốn xa chứng quả Bồ đề  
Ông đã lao khổ trải nhiều kiếp  
Chẳng nên thối chuyển, lại trầm luân”.*

**Luận Duy Thức viết:** “Do ba sự rèn luyện về Tâm ấy, nên càng thêm kiên cố dốc sức tu tập các hạnh thù thắng”.

**Giải thích:** Hiện tại là thập Hạnh thì chính là quả vị kia.

Nên nơi phần nêu dẫn nơi Sở giải nói “Đoạn trừ bốn xứ chướng ngại”: Bồ tát Vô tánh nơi Nhiếp Luận thích chỉ nêu lên bốn xứ và cho rằng:

Một: Do lìa tác ý đối với bậc Thanh văn, Độc giác.

Hai: Do đối với giáo pháp Đại thừa đều lìa dứt mọi nghi hoặc, nên có thể vĩnh viễn đoạn trừ mọi nghi ngờ nơi trí tuệ khác.

Ba: Do lìa chủ thể nghe, (năng văn) trong pháp đối tượng nghe, (sở văn) nên Ngã, ngã sở chấp đoạn trừ pháp chấp sở.

Bốn: Do hiện an trụ luôn hiện tiền đã an lập, tất cả pháp trong đó, không hề còn tác ý nên ý không phân biệt, đoạn trừ mọi phân biệt.

**Giải thích:** Tức do bốn pháp này là bốn xứ. Nhưng ba pháp rèn luyện nơi tâm là đối trị chung cho bốn chướng rõ ràng, đều do ba Luân của Nhãn. Ba Luân của Nhãn là Tự, Tha, lỗi lầm phân biệt.

- Sở từ câu: “Hai là các pháp Không”... tiếp xuống “Khiến cho kẻ khác thành tựu pháp nhãn” đến “Đều thành tựu”: Có mười loại như trước đã nêu dẫn. Nay chỉ nói về tướng chung là ý của Luận kia cũng chẳng phối hợp riêng.

- Sở câu: “Nhưng trong Luận Trang Nghiêm nói do ba Tự, năm Tướng”: Tức nơi Luận ấy, quyển thứ hai.

- Nói: “Ba pháp ấy vẫn ở trong An thọ nhãn”: Tức trước là nhớ nghĩ về vô thủy kiếp thọ nhận các thứ khổ não, tức là nghiệp của chính

mình cùng hành khổ. Cũng khiến cho người khác đạt được pháp này tức là đối chiếu với hàng Nhị thừa.

- Nói “Đối chiếu với trước có thể theo đấy mà xét”: Tức trước là Tánh Không không hai, tức chẳng thể thủ đắc, không có chân thật. Đó là vô thường, hoặc khổ hoặc vui, tức là “Khổ tướng”; vì mọi người mà giảng nói rộng, tức là “Nhiếp thủ tướng”, đã lược bớt không nói đến “Bản thân tướng”, được thâu tóm trong “Sinh tử vô thủy”.

- Sở câu: “Thương xót kẻ kia đắm chìm nơi điên đảo nên đâu có mang lòng oán hận”: Theo Trí Luận viết: “La-hầu-la bị hàng ngoại đạo đánh đập nên buồn khóc. Có người hỏi duyên cớ. Đáp: Ta bị khổ trong lúc còn nhỏ tuổi, còn kẻ ấy đã lớn mà sao vẫn còn khổ? Tức thương xót kẻ kia bị chìm đắm.

Mà nói “Điên đảo” tức cũng thương xót về chỗ tạo nhân kia chỉ là do điên đảo mà có. Như Bồ tát Đề Bà bị đám ngoại đạo rạch bụng, các đệ tử muốn truy bắt, Bồ tát bèn thuyết giảng rộng về pháp Không để khuyên dạy các đệ tử: “đây đều là do vọng kiến điên đảo về ngã, nhân nên sinh ra việc làm xấu ác như thế, chẳng rõ về tánh Không, chẳng có chân thật”.

- Sở câu: “Đây tức là môn Hai đời an lạc trong chín môn”:

**Luận viết:** “Nhẫn tạo sự an lạc trong hai đời” có chín loại:

Một: Bồ tát luôn an trụ, không hề phóng dật.

Hai: Ở nơi các pháp thiện thấy đều có thể nhẫn chịu.

Ba: Đối với mọi sự lạnh, nóng... đều có thể nhẫn chịu.

Bốn: Đối với các trường hợp đói khát, đều có thể nhẫn chịu.

Năm: Đối với các trường hợp bị ruồi muỗi cắn, hút... cũng vậy.

Sáu: Đối với các trường hợp như gió, ánh nắng v.v... cũng vậy.

Bảy: Đối với việc bị rắn rít cắn... cũng đều có thể nhẫn chịu.

Tám: Đối với các việc khó nhọc làm phát sinh vô số chi tiết khiến hoặc thân hoặc tâm mệt mỏi, phiền muộn... đều có thể nhẫn chịu.

Chín: Trong cảnh sinh tử với những nỗi khổ về sinh lão bệnh tử, đối với chúng sinh hiện tiền luôn thương xót mà tu tập hạnh nhẫn.

**Luận viết:** “Thuận nhẫn như thế thì đạt được hai đời an lạc”. Đây cũng là tướng chung về sự thương xót, nhớ nghĩ đến chúng sinh khiến đạt được an lạc cả hai đời.

- **Thứ tư là:** Hạnh không khuất phục, yếu kém (vô khuất nhiều Hạnh).

- Sở câu: “Nhiều là cong, là yếu kém”: Tức ý nơi quẻ Đại Quá của sách Chu dịch. Dịch viết: Đại Quá như cái cột yếu, cong xuống (chống

đỡ không nổi). Tiến đi thì lợi, được hanh thông”.

Lời Thoán viết: “Đại Quá, đại là Quá. Cây cột yếu cong xuống là gốc ngọn yếu kém”.

**Giải thích:** Quẻ đại Quá, trên là Đoài (đầm) dưới là Tốn (Gió), trên dưới đều là Âm, nên gọi là gốc ngọn yếu. Văn của Dịch dùng chữ Nhược (yếu kém) để giải thích chữ Nhiều. Nhiều là cong. Cong cùng với yếu nghĩa tương tự. Nay ở đây dùng theo nghĩa yếu kém để giải thích là “Không khuất phục, yếu kém”, thì khuất cũng là Cong, đã gọi là vững mạnh tức không có cong, yếu. Tuy nhiên, tiếng Phạm là Bát Lý-da-nại-đa, đây gọi là Vô tận, tức cách gọi của Tấn kinh. Nghĩa là diệu lực của đại nguyện thì không có cùng tận. So với nghĩa ở đây thì đại thể là giống nhau.

- Số câu: “Đây có ba nghĩa. Một là Đại tức thứ nhất là đại Bồ đề”: Ở đây đã dùng mười câu trong cách diễn đạt của thập Địa để cùng giải thích, dùng câu hai, ba, bốn để giải thích về câu thứ nhất (chữ đại thứ nhất). Dùng câu năm, sáu, bảy để giải thích chữ đại thứ hai, dùng câu tám, chín, mười để giải thích chữ Thắng thứ ba, văn đều có thể nhận biết.

- Số câu: “Tức Nan hành Tinh tấn”: Tại văn dễ nhận biết, nhưng đã không nói đến ba Luân. Tức ba Luân của Tinh tấn là chúng sinh với căn trí cao, thấp, và sự dụng phân biệt.

- Số câu: “Bao hàm đủ ba thứ Tinh tấn”: Luận Duy Thức nói về ba thứ Tinh Tấn:

Một: Bị giáp Tinh tấn.

Hai: Nhiếp thiện Tinh tấn.

Ba: Lợi lạc Tinh tấn.

Ngài Vô tánh giải thích: “Một là Bị giáp. Hai là Gia hạnh. Ba là không khiếm nhược, không thối chuyển, không vui mừng cho là đủ.

Thứ nhất, là vào lúc khởi đầu tự khích lệ mình nói: Sẽ làm được các sự việc như thế. Tức có thể lãnh hội chỗ giảng nói nơi khế kinh: Câu đầu này nói về có uy lực.

Thứ hai: Gia hạnh là câu nói về sự siêng năng.

Thứ ba: “Không khiếm nhược”, tức tùy nơi sự việc mà tâm ý vui thích với chỗ tạo tác việc thiện. Cho đến an tọa nơi tòa Bồ đề vi diệu, chẳng hề rời bỏ, đối với mọi khổ nhọc của chính mình tâm không thối khuất, gọi là “Không khiếm nhược”. Đối với những sự bức bách nào hại của kẻ khác tâm không dời chuyển, gọi là “Không thối chuyển”. Cho đến khi đạt đạo quả Bồ đề, ở trong thời gian ấy luôn tinh tấn tu tập các



pháp thiện, thường không biếng trễ, bỏ dở, gọi là “Không vui mừng cho là đủ”. Ba câu như thế là giải thích về chỗ giảng nói của kệ kinh, có sự dũng mãnh đối với các pháp thiện và chẳng hề lìa bỏ”.

Ngài Vô tánh giải thích về năm câu của kinh, lại nói: “Vì sao? Hoặc có trường hợp khởi đầu cầu đạo quả Bồ đề vô thượng, tuy có nhờ uy lực, nhưng khi Gia hạnh thì chẳng thể tự gắng sức hơn nữa. Vì thế nên nói có sự siêng năng nơi Gia hạnh. Tuy lại có sự siêng năng, nhưng tâm hoặc khiếm nhược, vì nhằm đối trị với trường hợp này nên nói có sự dũng mãnh, do có dũng mãnh nên tâm không thối khuất, Tâm tuy không khiếm nhược nhưng khi gặp phải những nỗi khổ về sinh tử thì Tâm có thể thối chuyển, do vậy mà làm mất chỗ mong đạt tới quả vị Phật. Vì để đối trị nên xác lập yếu tố không thối chuyển. “Không thối chuyển” tức là vững chắc, dũng mãnh nên chẳng còn thối chuyển, hiển bày rõ là vững, mạnh, do có vững chắc nên gặp khổ chẳng thối lui. Do có dũng mãnh nên chẳng sợ mọi khổ. Tuy gặp các thứ khổ đã có thể không thối chuyển, nhưng đạt được một ít điều thiện thì liền sinh “Tự cho là đủ”, do đấy chẳng chứng được đạo quả Bồ đề vô thượng. Vì vậy, tiếp theo là nói về “Không mừng cho là đủ” tức chẳng vì đạt được một ít pháp thiện liền sinh hoan hỉ cho là đủ. Nghĩa này là hiển bày chỗ chẳng hề bỏ “Sự gắn bó với điều thiện”. Do ý nghĩa ấy nên nói có ba thứ Tinh tấn.”

Nhưng về “Bị giáp Tinh tấn” thì theo dụ mà đặt tên. Như người đi vào trận chiến thì trước phải trang bị đầy đủ áo giáp để đề phòng cung tên. Nay cầu đạo Bồ đề tất trước phải lập thế nguyện để tránh sự thối khuất. Kinh Bản Nghiệp nêu rõ:

Một là Tâm khởi thế nguyện lớn lao.

Hai là theo phương tiện tinh tấn tu tập.

Ba là siêng năng giáo hóa chúng sinh.

- Số câu: “Thứ nhất, hoàn toàn giống với văn của Luận Du Già, song Luận cho Bị giáp là đứng đầu”: Luận Du Già, quyển thứ bốn mươi hai có đoạn: “Một là trang bị đủ áo giáp thế nguyện... Nên nói: Căn cứ trước hết nơi Tâm tự thế nguyện.”

- Số câu: “Có công đức sâu dày là Nan hành Tinh Tấn”: Luận Du Già nói về Nan Hành Tinh tấn có ba loại:

- Nếu các Bồ tát luôn liên tục xa lìa mọi thứ Tưởng về y phục, về ăn uống, về các vật dụng để nằm ngồi, cùng tưởng về chính thân mình, ở nơi các pháp thiện liên tục tu tập, chưa từng biếng trễ, đó gọi là Nan hành Tinh Tấn thứ nhất.

- Nếu các Bồ tát tinh tấn như thế, cho đến tận cùng với đồng loại,



ở trong tất cả thời không chút biếng trễ, đó gọi là tinh tấn khó thực hiện thứ hai.

- Nếu chư vị Bồ tát thông đạt bình đẳng về công đức tương ứng, chẳng hoãn chẳng gấp, không có điên đảo có thể dẫn đến nghĩa lợi khiến thành tựu được sự tinh tấn, đó gọi là Tinh tấn khó thực hành thứ ba.

Nay văn nơi phần Sở giải nêu đủ về ba loại Tinh Tấn khó thực hành ấy. “Nơi kiếp dài không biếng trễ hướng chi là trong một đời” là loại thứ hai. “Một niệm không hối tiếc, liên tục quên thân” tức là loại thứ nhất. Từ câu: “Tự mừng vui đạt được lợi lạc” tiếp xuống: Là loại thứ ba.

Hạnh trước, phần thứ nhất nói về lia lổi lầm cũng là loại thứ nhất này.

- **Thứ năm là:** Hạnh lia mọi si, loạn.

- Sở từ câu: “Chung là nói về thành tựu”: Là giải thích câu tổng quát này. Gồm hai phần:

Một: Chính thức giải thích.

Hai: Giải thích chỗ vướng mắc.

Trong phần một, tức nơi Luận Du Già phần nói về Tự tánh Thiên trong chín môn.

**Luận viết:** “Tự Tánh của Tinh lự, tức nơi chỗ nghe hiểu, tư duy về cái chung của tâm nhất cảnh tánh mà trước tiên vốn có”.

Một là, hoặc phẩm Xa-ma-tha.

Hai là, hoặc phẩm Tỳ-bát-xá-na.

Ba là, hoặc là sự vận hành của cả hai (Chỉ, Quán).

Nơi phần Sở giải đã tùy theo chỗ nêu lên liền dẫn văn để giải thích xác nhận, có thể nhận biết.

Nói “Khéo hiểu rõ về thế gian”: Như phần kinh tiếp dưới nói: “Do chánh niệm ấy nên khéo hiểu biết về tất cả ngôn ngữ nơi thế gian, có thể duy trì mọi sự nêu giảng về các pháp xuất thế gian... cho đến tâm không si, loạn”. Phần Sở giải tự phối hợp “không si loạn” tức chính là cả hai (chỉ, quán) cùng vận hành. Lại dùng theo nghĩa riêng thì khéo hiểu biết” là Quán, “Có thể duy trì” là Chỉ, nên là cả hai cùng vận hành.

- Sở câu: “Cho nên phần tiếp sau của kinh nói: Thiên định duy trì lấy Tâm”: Tức trong phần kệ của Hồi hương thứ mười.

- Sở từ câu: “Tuy có Tỳ-bát-xá-na” tiếp xuống: Là phần hai, giải thích chỗ vướng mắc. Theo văn có thể nhận biết. Chính là nơi Luận Du

Già phần nêu ra Tự tánh của Thiên.

- Số câu: “Chín câu riêng ở trên đầu tóm cả ba Thiên”: ba Thiên tức là Luận Du Già nói về Nhất Thiết Thiên có ba loại. Duy Thức chỉ nêu lên, mà không có giải thích về tên gọi. Luận Du Già thì giải thích rộng. Nay dựa nơi Nhiếp Luận, Ngài Vô tánh giải thích:

“Một là An trụ Tĩnh lực, nghĩa là đạt được sự an lạc trụ nơi pháp hiện tại, lìa mọi kiêu mạn, kiến chấp, tham ái, nên được thanh tịnh.

Hai là, dẫn phát Tĩnh lực, nghĩa là có thể dẫn đến việc phát sinh sáu thứ thần thông cùng những công đức thù thắng.

Ba là, Thành sở tác sự Tĩnh lực, tức là nhằm đem lại lợi ích cho các loài chúng sinh, do có thể dứt trừ mọi sự đói kém, tật bệnh, sợ hãi, cùng các sự khổ não khác.”

Lương Nhiếp Luận giải thích về ba định nói: Có được an lạc trụ nơi hiện thế. Vì sao? Là vì có thể lìa xa tất cả các pháp cấu nhiễm.

Một là, Dựa nơi định này làm chỗ phát sinh tự lợi. Tức là do ba Minh nên có thể dẫn đến việc thành tựu sáu thần thông.

Hai là, Dẫn nhân thành tựu thần thông từ định phát sinh, theo đấy mà lợi tha.

Ba là, Lợi tha tức là ba Luân:

Thứ nhất là thần thông luân, tức là thần thông nơi Thân, Thiên Nhĩ thông, Thiên nhãn thông. Luân này là dắt dẫn tà hướng về chánh, khiến bỏ tà quy chánh.

Thứ hai là ký tâm luân, tức là Tha tâm Không, Thiên nhĩ thông, Thiên nhãn thông. Luân này là dẫn dắt chính mình quy về nẻo chánh, nếu chưa tín, thọ thì khiến tin tưởng, thọ trì.

Thứ ba là Chánh giáo luân, tức là Túc trụ thông, Lộ tận thông. Túc trụ thông nhận biết về căn tánh. Do Lộ tận thông, như từ chỗ đạt được của chính mình, vì kẻ khác giảng nói chánh pháp, có thể khiến cho hàng chúng tánh thấp kém thành tựu đầy đủ về giải thoát.

Do gồm đủ các nghĩa này nên nói định có ba loại”. Là Hạnh lìa mọi si, loạn.

- Số từ câu: “Chánh niệm có Quán” tiếp xuống: Văn nơi bản Số giải có năm phần:

Một: chính thức giải thích thuận theo văn.

Hai: Từ câu: “Thế gian nói vô ích” tiếp xuống: Là nêu ra ý giới hạn của kinh.

Ba: Từ câu: “Xuất thế gian chẳng rõ” tiếp xuống: Là xác lập lý để hiển bày, thông tỏ.

Bốn: Từ câu: “Cho nên tuy vẫn có tóm lược” tiếp xuống: Là tóm kết thành nghĩa chung.

Năm: Từ câu: “Hiểu về Sự, rõ về Lý” tiếp xuống: Là giải thích riêng về chỗ “khéo hiểu biết”.

- Số từ câu: “Luận Du Già quyển thứ hai, nêu rõ về bốn thứ nhập thai” tiếp xuống: Văn nơi phần Số giải gồm hai:

Một: Chính thức giải thích từ “Không si loạn”.

Hai: Chỉ rõ về tướng si loạn.

Trong phần một, văn hiển bày rõ. Luận Câu Xá quyển thứ chín, nêu lên câu hỏi: “Trước nói Tâm điên đảo nhập nơi thai tạng của mẹ, nên tất cả thai tạng đều định rõ như thế chăng?”

**Giải thích:** Đây là nhắc lại ở trước nói về Tâm điên đảo hướng tới cảnh dục, các loài Thấp sinh, Hoá sinh, nhiễm nơi Xứ hương để làm câu hỏi. Luận đáp lại cho rằng: Chẳng phải thế, kinh nói nhập thai có bốn loại. Những gì là bốn loại? Tụng viết:

*“Một, nơi nhập biết đúng*

*Hai, ba gồm trụ, xuất*

*Bốn, nơi tất cả vị*

*Cùng noãn, luôn không biết.*

*Ba thứ nhập thai trước*

*Là Chuyển luân, hai Phật*

*Nghiệp Trí cùng thù thắng*

*Bốn sinh khác như thế”.*

**Giải thích:** Chỉ xem phần Tụng của Luận Du Già nêu dẫn trên, văn dễ lãnh hội. Song câu “Nghiệp, Trí cùng thù thắng” lại cần phải giải thích tóm lược.

Thứ nhất là Chuyển Luân vương, do nghiệp thù thắng nên nơi nhập thai đã biết đúng, vì đời trước từng tu tập rộng lớn về phước.

Thứ hai là Phật Bích chi, do tri thức thù thắng nên đã biết đúng về nhập, trụ, do từng tu tập lâu dài về đa văn, tư duy, lựa chọn thù thắng.

Thứ ba là bậc Đại giác, phước trí đều hơn hết nên cả ba Nhập thai, trụ nơi thai và ra khỏi thai đều biết đúng. Tức là từ vô số kiếp từng tu tập phước trí thù thắng.

Ngoại trừ ba trường hợp này, phần còn lại là Thai sinh, Noãn sinh, Thấp sinh phước trí đều kém nên đều si, loạn.

- Số từ câu: “Về tướng si loạn của hàng phàm phu”: Là phần hai, chỉ rõ riêng về sự si loạn. Gồm hai:

Một: Nêu lên chung về tướng.

Hai: Chỉ rõ về cội nguồn.

Kinh Đại Tập quyển thứ hai mươi bảy phần nhiều giống nơi kinh Đại Bát Niết-bàn. Tức nơi kinh Đại Bát Niết-bàn quyển mười tám, Nam bản là quyển mười sáu. Kinh viết: “Thiện nam! Loài người có ba hạng: Thượng, trung, hạ. Hạng người thuộc loại hạ, lúc mới nhập thai suy nghĩ: Ta nay ở nơi nhà xí đầy những cấu uế tối tăm. Khi mới ra khỏi thai lại nghĩ: Ta nay ra khỏi nơi nhà xí đầy những cấu uế, tăm tối.

Hạng người thuộc bậc trung thì suy nghĩ: Ta nay vào trong giữa rừng cây ở trong dòng sông sạch sẽ, ở trong phòng ốc nhà cửa. Lúc ra khỏi thai cũng vậy.

Hạng người thuộc bậc thượng thì nghĩ ngợi: “Ta đi lên cung điện, ở nơi vườn hoa, cỡi ngựa cỡi voi trên núi cao. Khi ra khỏi thai cũng thế. Đại Bồ tát khi mới nhập thai tự biết rõ là nhập thai, lúc ở trong thai biết rõ là ở, khi ra khỏi thai cũng biết rõ là ra, trọn chẳng dấy khởi tâm niệm tham dục, sân hận, nhưng chưa đạt được bậc Trụ thứ nhất. Do đấy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn”.

Quyển thứ hai mươi chín, là quyển thứ hai mươi bảy Nam bản, có đoạn: “Thân Trung ấm có hai loại: Một là quả nghiệp thiện, hai là nghiệp quả ác. Do nơi nghiệp thiện nên được giác quán thiện. Do nơi nghiệp ác nên dẫn đến giác quán ác. Lúc cha mẹ gặp gỡ, hoà hợp, theo nhân duyên của nghiệp mà đi đến chốn thọ sinh, đối với mẹ sinh lòng yêu mến, đối với cha sinh lòng giận dữ. Khi tinh của cha xuất ra thì cho là của mình có được liền sinh tâm vui mừng. Do nhân duyên của ba thứ phiền não ấy, nên thân Trung ấm này diệt thì sinh thân Ngũ ấm sau. Như ấn sập in vào đất sét, ấn rã đi thì nét chữ thành hình”.

**Giải thích:** Đây là lược nêu về trường hợp thân trung ấm nam. Luận Câu Xá quyển thứ chín đã nêu đủ cả hai trường hợp nam, nữ..

Luận Du Già, văn nói về Thai tạng viết: “Nếu thai nhi là nữ thì ở nơi hông bên phải của người mẹ, dựa vào phía xương sống, hướng về bụng mà nằm yên. Nếu thai nhi là nam thì ở nơi hông bên trái của người mẹ, dựa vào phía bụng, hướng về phía xương sống mà nằm yên...”

- Số câu: “Riêng, tức là bốn ma, mười ma”:

Về bốn Ma tức: Thiên ma, Ấm ma, Phiền não ma và Tử ma.

Nói “Mười ma cùng Ma nghiệp như phẩm Ly Thế gian nêu bày”:  
Đó là:

Một: Uẩn ma, sinh thủ chấp.

Hai: Phiền não ma, luôn gây sự tạp nhiễm.

Ba: Nghiệp ma, có thể gây chướng ngại.

Bốn: Tâm ma, dấy khởi cao ngạo, kiêu mạn.

Năm: Tử ma, lìa bỏ chốn sinh.

Sáu: Thiên ma, tự ngạo mạn, buông thả.

Bảy: Thiện căn ma, luôn chấp giữ.

Tám: Tam muội ma, luôn đắm mê nơi Tam muội.

Chín: Thiện tri thức ma, luôn khởi tâm tham vương.

Mười: Bồ đề pháp trí ma, chẳng thuận việc lìa bỏ.

- Về mười Ma nghiệp gồm:

Một: Tu tập các thiện căn mà quên mất tâm Bồ đề là Ma nghiệp.

Hai: Tâm xấu ác mà bố thí.

Ba: Tâm sân hận mà giữ giới.

Bốn: Ruồng bỏ người có tính ác.

Năm: Lánh xa người biếng trễ.

Sáu: Tỏ ra khinh mạn.

Bảy: Tâm ý loạn động.

Tám: Trách cứ, hiềm nghi.

Chín; Trí tuệ xấu ác.

Mười: Ngã mạn luôn dấy tăng, không có sự cung kính.

Đối với các chúng sinh phần nhiều tạo sự não hại, chẳng cầu đạt chánh pháp với trí tuệ chân thật, tâm luôn bị sự xấu ác che phủ, khó có thể mở bày, tỏ ngộ, đó là Ma nghiệp.

- Về bốn Ma thì như thường biện giải, tức là Thiên ma, Ám ma, Phiền não ma, Tử ma. Trong kinh Đại Phẩm Bát-nhã nói về bốn thứ ma phần nhiều nói về Thiên ma và Phiền não ma.

- Số câu: “Luận Khởi Tín nói...”: Các Luận khác đều có diễn rộng, riêng Luận này nêu bày phân minh, người đọc dễ tìm hiểu, tiếp nhận, nên ở đây lược chỉ rõ. Tức trong phần nói về “Tu hành tín tâm”. Luận viết: “Hoặc có những chúng sinh không có sức mạnh của thiện căn nên bị các thứ tà ma, ngoại đạo, quỷ thần làm mê hoặc, loạn động. Như trong khi tọa Thiền, chúng hiện hình khủng bố. Hoặc hiện ra các hình tướng nam nữ đẹp đẽ, thì hành giả nên suy niệm về cảnh giới duy tâm để diệt trừ khiến chúng rốt cuộc không thể não hại được. Hoặc chúng hiện ra hình tướng chư Thiên, hình tướng Bồ tát, hoặc hiện cả hình tướng Như Lai tướng tốt đầy đủ. Chúng, hoặc nói thần chú, hoặc giảng về các pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Hoặc nói về bình đẳng, về không, vô tướng, vô nguyện, không thân không oán, không nhân không quả, rốt ráo rỗng lặng, tịch diệt là Niết-bàn chân thật. Hoặc chúng khiến cho người ta biết được những sự việc về quá khứ của thọ

mạng đời trước, cùng các sự việc ở đời vị lai, đạt được Tha tâm trí với biện tài vô ngại, có thể khiến cho chúng sinh tham đắm các sự danh lợi nơi thế gian. Lại khiến cho người ta khi giận khi vui tính tình thất thường, hoặc có nhiều tâm từ ái, ham ngủ nghỉ, nhiều bệnh. Hoặc làm cho người có tâm biếng trễ bỗng dưng dậy khởi tinh tấn, về sau lại nghỉ bỏ, sinh lòng chướng tin, nhiều nghi ngờ, toan tính. Hoặc chúng khiến cho hành giả bỏ lối tu hành thù thắng đã có lại tu tập các nghiệp hỗn tạp hay là vướng vào nhiều thứ buộc ràng nơi thế tục. Chúng cũng có thể khiến hành giả đạt các pháp Tam muội phần nào giống với Tam muội chân thật, nhưng đều là những Tam muội của ngoại đạo chứ chẳng phải là Tam muội chân chính. Hoặc chúng lại khiến cho người ta, trong một ngày, hai ngày, ba ngày, cho đến bảy ngày, ở trong pháp định tự nhiên được hưởng những thức ăn uống thơm ngon, thân tâm vui thích, dứt mọi đói khát, khiến cho tham đắm... do những nghĩa ấy nên người tu hành thường phải dùng trí tuệ quan sát, chớ để tâm mình rơi vào lưới tà; cần phải siêng năng tu tập chánh niệm, không hề chấp trước thì mới có thể xa lìa được các thứ nghiệp chướng ấy...”

**Giải thích:** Văn của đoạn được nêu dẫn trên tuy hơi rộng nhưng cũng là phần chính yếu, trong đó gồm luôn việc đối trị, tức đã hiển bày tâm của Bồ tát không si loạn.

- Sở câu: “Trí Luận nói: Ngoại trừ thật tướng của các pháp”: Luận đã nêu lên dụ: Ví như sợi dây có thể duyên với tất cả sự vật nhưng chẳng duyên với ngọn lửa. Vì duyên với ngọn lửa thì sợi dây bị thiêu cháy. Ma cũng giống như thế, có thể duyên với hết thảy các pháp, chỉ không thể duyên với thật tướng của các pháp. Nếu hội nhập vào thật tướng thì Ma tức là thật tướng, vậy còn chỗ nào là mê hoặc?” Nên Luận viết: “Chỗ Như của cảnh giới Ma cũng giống chỗ Như của cảnh giới Phật, là một Như không có hai như, đều là Ấn của pháp giới”. Há dùng ấn pháp giới lại hủy hoại ấn pháp giới ư!

Lại nữa, quyển thứ tám mươi hai viết: “Ma nhận biết Bồ tát có lãnh hội về Bát-nhã như người bắt cá nhìn thấy một con cá lớn bơi vào chỗ nước sâu rộng, mà lưới đánh bắt chẳng thể được nên thất vọng, buồn phiền, do đã lìa khỏi sáu mươi hai thứ lưới kiến chấp”.

Thêm nữa, quyển thứ bảy mươi ba nói về việc Ma biến thành vị đại Sa môn có uy đức lớn, hoặc lúc thì nói Bồ tát tu Bát-nhã: Với ba môn giải thoát là do Ma nói, tất cả chỉ là Không. Ông luôn tu tập pháp Không ấy, trong chứng đắc hay chẳng chứng đắc đều làm sao để thực hiện Phật pháp? Phật pháp thì trước hết là hành bố thí, trì giới v.v... tu

tập về phước đức của ba mươi hai tướng, đến khi an tọa nơi đạo tràng, ông mới dùng đến pháp Không. Bồ tát như thế là hoặc thực hành, hoặc tin theo, hoặc nghi ngờ, xa lìa Bát-nhã...”

**Giải thích:** Dựa theo đây thì Ma ở thế gian rất là nhiều. Quyển thứ bảy mươi một lại nói: “Ma giả làm bậc tri thức tự nêu giảng về Không, Bát-nhã, tuy có nói về tên gọi của tội phước nhưng không có đạo lý. Hoặc giảng nói về không, có thể thủ đắc tức là Niết-bàn.”

**Giải thích:** Quyển thứ bảy mươi ba ở trước nêu việc Ma khiến hành giả chớ nên tu tập pháp Không mà nên tu tập, thực hành về Sự, trong đây nói cái Không của đoạn diệt khiến chứng đắc, nên người tu tập bị nhiều mê hoặc. Nếu đạt được thật tướng của các pháp thì cũng không được bỏ tu tập pháp Không, mà tu tập về sự cũng chẳng cho là Không làm ngăn ngại Có, cũng chẳng lấy không để chứng đắc. Tức dùng tánh không của Bát-nhã để dẫn dắt tất cả các hành, tu mà không có gì là tu, thì Ma chẳng thể khiến Bồ tát si loạn.

- Sở từ câu: “Nay dùng Trí để quan sát, nhận biết” tiếp xuống: Là chỉ rõ nguyên do của việc không bị si loạn.

- Nói “Như người đã biết được kẻ giặc cùng con chó gian trộm”: Tức nơi kinh Đại Bát Niết-bàn, phẩm Tà chánh, Nam bản, còn Bắc bản phẩm Như Lai tánh, là quyển thứ bảy. “Như người biết được kẻ giặc thì giặc không thể làm hại”. Lại nhân Bồ tát Ca diếp hỏi về việc nương tựa vào bốn bốn loại người. Hỏi: “Thế Tôn” Ma v.v... hãy còn có thể biến làm thân Phật, hướng hồ là hiện tại chẳng thể biến làm A-la-hán? Phật nói: Thiện nam! Đối với chỗ lời của Như Lai giảng nói, nếu sinh tâm nghi ngờ thì hãy còn không nên thọ trì, hướng hồ là lời của các hạng người ấy. Vì thế phải nên khéo phân biệt, nhận biết. Thiện nam! Ví như con chó gian trộm, đêm tối lẻn vào nhà người ta, kẻ tôi tớ trong nhà ấy nếu hay biết phải nên la đuổi, khiến cho kia sợ bỏ đi không dám trở lại. Các vị từ nay trở đi cũng nên như thế, tức theo cách ấy mà hàng phục Thiên ma, bảo Thiên ma: Nầy Ba Tuần! Nhà người nay chẳng thể tạo ra các hình tướng như thế, nếu còn tạo ra, ta sẽ dùng năm thứ trói buộc để trói nhà ngươi lại. Ma nghe rồi ắt bỏ đi cũng như con chó gian trộm kia, sẽ không trở lại quậy phá nữa”.

Phần tiếp theo của kinh giảng nói rộng về hình tướng của Phật nói, Ma nói, văn ấy là nhằm khiến phải quan sát để nhận biết.

- Sở câu: “Phần lớn nghĩa sâu xa đó là Không”: Tức là văn nơi Luận Thập nhị môn, chỉ đổi chữ Già ở đây thành chữ cố (đại phần thâm nghĩa sở vị không cố...)



- Số câu: “Cộng và bất cộng v.v...”: Đây có hai nghĩa. Nghĩa trước thì đến phẩm thập Địa lại giải thích. Nghĩa sau thì sẽ biện minh nơi phẩm Xuất Hiện.

- Số từ câu: “Lại tùy theo ý của kẻ khác mà hành” tiếp xuống: Tức là ý nơi kinh đại Bát Niết-bàn, nêu rõ Phật có ba thứ ngôn ngữ: Tùy tự, ý ngữ, Tùy tha ý ngữ và Tùy tự tha ý ngữ. Về chỗ “Lập hành” cũng vậy, như trước đã nêu dẫn.

- Số câu: “Sàn nhiên không sai biệt”: Thì “Sàn” cũng như là Hiện (hiện bày)

- Số câu: “Trở hoại nơi sáu căn”: Thì “Trở” cũng là huỷ hoại.

- Số câu: “Năm thứ gió ác”: Tức nơi kinh “Trị Thiên Bệnh Bí yếu”, quyển thứ nhất. Kinh này do Sa môn Đàm-ma-mật-đa (356-442) dịch nơi chùa Kỳ Hoàn ở Dương châu vào năm Nguyên Gia thứ mười tám (441) đời Lưu Tống (Theo đại Tạng kinh đại chính Tân Tu, Kinh này mang số 620, Tập 15, ghi là do cư sĩ “Thư Cừ Kinh Thanh” dịch vào đời Lưu Tống. Người dịch ghi). Tiêu đề của kinh là “Trị A Lan nhã loại tâm bệnh, bảy mươi hai thứ pháp, chỗ nêu hỏi của Tôn giả Xá-lợi-phất xuất xứ từ kinh Tạp A Hàm” Từ câu: “Sự việc nơi A Lan nhã” trở xuống là tóm tắt về ý để nêu dẫn. Tức chư vị Tỳ kheo thuộc giòng họ Thích đang lúc tọa thiền, nhân thái tử Tỳ Lưu Ly con vua Ba Tư Nặc cùng với đám con cái các nhà trưởng giả chơi đùa cạnh Tinh xá Kỳ Hoàn, cho voi đùa giỡn hý rống vang dội, khiến một số Tỳ kheo kia kinh sợ, tâm ý hoảng loạn. Tôn giả A Nan khiến đóng các cửa và thưa với Tôn giả Xá-lợi-phất. Tôn giả Xá-lợi-phất liền dẫn tới chỗ Phật thưa hỏi. Kinh viết: “Kính mong đức Thiên Tôn từ bi, tất cả là vì hàng Tỳ kheo tu tập nơi A Lan nhã ở đời vị lai, nhân năm thứ sự việc này mà tâm sinh hoảng loạn:

Một: Nhân nơi âm thanh hỗn loạn.

Hai: Nhân nơi tên gọi xấu ác, đáng ghét.

Ba: Nhân nơi lợi dưỡng.

Bốn: Nhân nơi gió bên ngoài.

Năm: Nhân nơi gió bên trong.

Năm thứ bệnh này làm thế nào để đối trị? Kính mong đức Thiên Tôn vì con mà giảng giải, chỉ dạy.

Bấy giờ, đức Thế Tôn liềm mỉm cười, từ nơi kim khẩu phát ra luồng hào quang năm sắc, bay vòng quanh chỗ Phật bảy vòng, rồi trở lại theo đỉnh nhục kế mà vào. Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Hãy lắng nghe và khéo suy niệm, Như Lai sẽ vì Tôn giả mà phân biệt giảng nói.



Nếu có hành giả ở nơi An-lan-nhã tu tâm theo mười hai hạnh Đầu đà với pháp A-na-ban-na, vì các thanh âm xấu ác bên ngoài tiếp xúc tâm căn bên trong làm cho bốn trăm lỗ bốn kinh mạch rối loạn nơi tâm nhất thời đông loạn, sức gió gượng ép khiến cho ban đầu phát lên điên cuồng. Tâm mạch động chuyển, năm gió vào trong cổ trước đây tác hại cho miệng, méo miệng v.v...) Ông nên bảo họ uống quả A-lê-lặc với đường mật tô, buộc tâm một chỗ trước tiên tưởng trước mặt một tấm gương pha lê rồi tự quán thân mình ở trong gương kia với các sự điên cuồng như thế thì sẽ tự hết... Phần cuối sau nói: “Đó gọi là pháp trị Tâm điên đảo, loạn động. Lại nữa, Tôn giả Xá-lợi-phất! Đã loại trừ âm thanh từ bên ngoài rồi thì phải trừ bỏ âm thanh bên trong. Âm thanh bên trong, tức nhân nơi âm thanh bên ngoài tác động đến sáu căn, khiến tâm mạch điên đảo, năm thứ gió ác theo tâm mạch mà vào bên trong. Gió ác làm loạn động nơi Tâm, như thể hoặc ca hoặc múa, tạo ra vô số các thứ biến đổi. Tôn giả phải chỉ dạy khiến các Tỷ kheo thực hiện Tẩy tâm quán...” Tức là trước tự mình phải quán chiếu tâm dần dần làm cho sáng suốt cũng như hỏa châu. Bốn trăm lỗ bốn kinh mạch quán như Tù-lưu-ly v.v... rộng nói về pháp trị liệu.

Nay, phần Sở giải nêu dẫn tức dẫn văn của đoạn sau ấy... Nhưng kinh kia nói năm loại gió ác, mà không diễn giảng tiếp sau tựa như trước nhận năm sự, nhân tiện nói thành năm loại gió chuẩn theo Luận Kim Thất Thập nói: Năm loại gió là : 1) Gió Ba na. 2) Gió A-ba-na. 3) Gió Ưu-đà-na. 4) Gió Bà-na. 5) Gió Bàn-ma-na. Năm loại gió này tức tất cả căn đồng một sự việc. Gió Ba-na đi từ mũi miệng giữ lấy ngoài trần là sự. Đáp: Mười ba căn cùng chung một công việc (sự) Ví như chim trong lồng, chim đông nên lồng đông, nên nói mười ba căn đồng một sự việc. Gió A-ba-na là thấy việc đáng sợ liền có rút, trốn chạy. Nếu gió ấy nhiều khiến người ta nhiều khiếp sợ. Gió Ưu-đà-na. Như ta muốn lên núi ta cao hơn người khác không bằng ta, ta có thể làm việc ấy. Nếu gió này nhiều thì khiến người nhà tự cao, cho rằng ta hơn, ta giàu v.v... Gió Bà na là đầy khắp thân thể cũng rất cách ly thân. Gió này nếu nhiều khiến người cách ly người khác không được yên vui, nếu ít thì cách ly thân thể như chết, cho đến không còn gió này là chết. Gió Bàn ma na thì trụ trong tâm với công việc thu nhiếp, gìn giữ. Cho nên gió này nhiều khiến người luôn sen tiếc, cầu tìm bạn, tiền của v.v... Nam gió này hành sự đều do người ba căn thể hiện.

**Giải thích:** Năm gió này hẳn như vậy, không dựa vào vị thường, từ tâm mạch đi vào nên phát ra cuồng loạn vậy.

- Sở câu: “Ở trên đều là Nhất thiết chủng Thiên”: Luận Du Già, quyển thứ bốn mươi ba nói “Nhất Thiết chủng Thiên” có sáu thứ, bảy thứ, tổng cộng là mười ba loại.

- Nói sáu thứ tức là:

Một: Thiên tĩnh lực.

Hai: Vô ký biến hoá tĩnh lực.

Ba: Xa ma tha tĩnh lực.

Bốn: Tỳ-bát-xa-na phẩm.

Năm: Nơi tự lợi lợi tha, thẩm xét, tư duy đúng.

Sáu: Tĩnh lực có khả năng tạo nên thần thông, uy lực công đức.

- Nói bảy thứ gồm:

Một: Danh duyên Tĩnh lực.

Hai: Nghĩa duyên tĩnh lực.

Ba: Chỉ tương duyên Tĩnh lực.

Bốn: Cử tương duyên Tĩnh lực.

Năm: Xả tương duyên Tĩnh lực.

Sáu: Hiện pháp lạc trụ tĩnh lực.

Bảy: Tĩnh lực có khả năng đem lợi ích cho người khác.

Nay nói “Danh, Nghĩa”, tức trong bảy loại sau là loại một, hai. Nói “Chỉ, Quán” tức trong sáu loại, bảy loại đều là loại ba, bốn. “Hai lợi”, tức trong sáu loại trước là loại thứ năm, sáu; còn trong bảy loại sau là loại thứ năm, sáu, bảy. Cho nên đã thấu tóm mười ba pháp thiện cùng với Vô ký cũng có chỗ chung.

- Sở câu: “Đây cũng là Thanh tịnh tĩnh lực trong chín môn”:

Luận Du Già quyển thứ bốn mươi ba viết: “Thanh tịnh Tĩnh lực có mười thứ:

Một: Tĩnh lực thanh tịnh do pháp thế gian lìa bỏ hẳn mọi tham ái về Tam muội.

Hai: Tĩnh lực thanh tịnh do pháp xuất thế gian thanh tịnh không có uế nhiễm.

Ba: Tĩnh lực thanh tịnh do Gia hạnh.

Bốn: Tĩnh lực thanh tịnh do căn bản.

Năm: Tĩnh lực thanh tịnh do từ gốc luôn tăng tiến.

Sáu: Tĩnh lực thanh tịnh do nhập trụ tự tại.

Bảy: Xả tĩnh lực rồi trở lại chứng nhập tự tại.

Tám: Tĩnh lực thanh tịnh đạt thần thông biến hiện tự tại.

Chín: Tĩnh lực thanh tịnh do lìa hết thủy nẻo kiến chấp.

Mười: Tĩnh lực thanh tịnh do lìa tất cả sở tri chướng phiền não

chương.

Nếu phối hợp với kinh thì chính là loại thứ chín, mười cùng với loại một, hai là lia mọi cấu nhiễm, chương ngại.

Nhưng ý chính về “Thanh tịnh” là do lia “Ba Luân”. Ba Luân của định là Cảnh giới, chúng sinh và Hoặc.

- Sở câu: “Cho nên Tôn giả Thân Tử chẳng biết được bàn tay dữ của quỷ Hình Hại”: Đây là căn cứ theo Trí Luận: Tôn giả Xá-lợi-phất đang tọa Thiền nơi đường vắng. Có một con quỷ với sức mạnh lớn tên là Hình Hại, dùng tay đánh vào đầu Tôn giả. Từ thiền định xuất, Tôn giả Xá-lợi-phất cảm thấy hơi đau nơi đầu, nên thưa với Phật. Phật bảo: Nhờ vào định lực của Tôn giả, vì sức mạnh của loài quỷ ấy có thể đánh tan núi Tu di thành tro bụi. Vậy từ nay về sau, chớ nên tọa thiền nơi đường vắng.

- Sở câu: “Tôn giả đại Ca diếp chẳng nghe âm thanh của Phật Bát Niết-bàn”: Kinh đại Bát Niết-bàn cho thấy, đức Thế Tôn vào ngày mười lăm tháng hai, từ sáng sớm đã phát ra âm thanh báo khắp cho tất cả được biết: Vào giữa đêm hôm nay, đức Như Lai sẽ nhập Niết-bàn vô dư. Nếu người nào có điều gì còn nghi ngờ thì nay có thể đến để thưa hỏi, vì đây là lần thưa hỏi sau cùng, do thần lực của Phật nên âm thanh kia đã biến khắp Tam Thiên đại thiên thế giới, muôn loài đều tìm đến chỗ Phật nhưng Tôn giả Ca diếp thì chẳng nghe. Từ nơi định xuất, Tôn giả mới biết là thế giới đã biến đổi nên kinh ngạc nhiều lượt hỏi thăm mới rõ là đức Như Lai đã nhập Bát Niết-bàn...

Hai sự việc nêu trên, một là ở trong định chẳng thể tiếp xúc, nhận biết. Hai là trong định chẳng thể nghe âm thanh, nên sự nhận biết kém. Nay, Bồ tát “Khéo nhận biết” nên là siêu vượt, thù thắng.

- Sở câu: “Tướng thì niệm niệm chẳng trụ”: Nhưng về ba Tướng, bốn Tướng, thì trong một niệm đã gồm đủ như nơi quyển một đã nêu. Nay Tánh Tướng biện minh riêng. Nếu cùng dung hợp làm bốn, thì gồm thâm Duyên gọi là Sinh. Sinh tức vô sinh nên có, không chẳng ngăn ngại. Tướng giả an lập gọi đó là Trụ. Trụ tức vô trụ, hiện bày, xâm đoạt, đều viên dung. Theo duyên chuyển biến, gọi đó là dị, dị tức là vô dị. Hai tướng cùng dứt vì đều không có tự tánh, gọi đó là diệt, diệt tức vô diệt. Đây là tức Tướng mà là Tánh, nên không có gì đạt được (vô sở đắc).

- Sở câu: “Đại địa làm trống, núi Diệu Cao làm chùy”: Kinh như Huyền Tam Muội nói: “Giả sử dùng đại địa làm trống, núi Tu di làm dùi, ở bên tai Tôn giả Tu-bồ-đề mà đánh lên, cũng chẳng thể khiến

Tâm của Tôn giả có chút niệm tán loạn. Vì sao? Là vì Tôn giả đã nhập nơi định Không”.

- Số câu: “Tức Nan hành Thiền”:

Về “Nan Hành Thiền”, Luận Du Già nói có ba thứ, nơi phẩm Minh Pháp đã dẫn. Nay một lần nữa chọn lấy ý để nêu ra.

Một là: Nghĩa là, an trụ nơi Tĩnh lực sâu xa, xả bỏ mà đem lại lợi ích cho chúng sinh, sinh nơi Dục giới.

Hai là: Nương tựa nơi Tĩnh lực, làm phát sinh vô lượng cảnh giới Đẳng trì của hàng Bồ tát, Nhị Thừa.

Ba là: Dựa ở đấy, mau chóng chứng đắc quả vị Bồ đề vô thượng.

Nay văn nơi phần Sở giải chính là loại thứ ba.

- Số câu: “Câu đầu nêu lên Nhất thiết môn Thiền”: Luận Du Già viết: “Nhất Thiết môn Thiền lược có bốn loại:

Một: Tĩnh lực có Tâm có Từ.

Hai: Tĩnh lực cùng hành với Hỷ.

Ba: Tĩnh lực cùng hành với Lạc.

Bốn: Tĩnh lực cùng hành với Xả.

- Số câu: “Lại gọi là môn”: Tức nơi Trí Luận. Luận nêu câu hỏi: “Vì sao chẳng chỉ nói Tam muội mà còn nói Môn? Phần đáp nêu: Chỉ nói Tam muội thì số lượng là vô lượng như hư không, vô biên Bồ tát làm thế nào đạt hết? Do đó nói “Môn”, Bồ tát nhập trong một môn Tam muội thì thấu tóm vô lượng pháp Tam muội khác.

- Từ Câu: “Như nhắc cổ áo lên...” tiếp xuống: Là giống với ý trong ấy.

- Số từ câu: “Chẳng những không làm rồi loạn định gốc mà lại làm tăng trưởng”: Là nêu ra tướng của sự tăng trưởng. Con heo dùng thân bản nhớt cọ xát nơi núi vàng, chẳng những không làm ô uế mà khiến cho màu sắc nơi núi càng thêm sáng trong. Đây chính là con heo của ngoại cảnh làm tăng chỗ trong lành sạch núi định.

- Số câu: “An trụ nơi niệm thanh tịnh tức đời hiện tại an lạc”:  
Luận Du Già nói về “Tĩnh lực tạo an lạc cho hai đời” gồm chín loại:

Một: Tĩnh lực với thân thông, biến hiện điều phục chúng sinh.

Hai: Tĩnh lực với tâm ghi nhớ, biến hiện điều phục chúng sinh.

Ba: Tĩnh lực nhằm chỉ dạy, biến hiện điều phục chúng sinh.

Bốn: Tĩnh lực đối với kẻ tạo ác thì thị hiện cõi ác để giáo hoá.

Năm: Tĩnh lực đối với người mất biện tài thì có thể giúp cho biện tài đầy đủ.

Sáu: Tĩnh lực đối với người mất chánh niệm thì có thể ban cho

chánh niệm.

Bảy: Tinh lự khiến chế tạo kiến lập mọi luận biện không điên đảo, với những lời tán tụng (Ma đất lý ca) vi diệu, có thể khiến cho chánh pháp trụ thế lâu dài.

Tám: Tinh lự, đối với các ngành nghề kỹ xảo của thế gian, có thể dẫn đến nghĩa lợi, đem lại lợi ích cho chúng sinh, với vô số các thứ sách vở, toán số, lượng tính v.v... có thể theo đấy mà tạo tác.

Chín: Tinh lự, đối với việc sinh nơi cõi ác, nhằm hoá độ chúng sinh, vì muốn trong tức thời dứt hết mọi nỗi khổ kia, nên phóng hào quang lớn soi chiếu khắp.

Nay chỉ nêu lên chung về nghĩa hai đời được an lạc.

- **Thứ sáu là:** Hạnh Thiện Hiện.

- Số câu: “Thế tức là Bát-nhã”: Ở đây cũng bỏ quên ba Luân mà soi chiếu. Ba Luân của Bát-nhã là Cảnh Trí, chúng sinh, sự phân biệt. Dựa theo chỗ nêu tên gọi gồm hai phần:

Một: Hiển bày tổng quát về Thế.

Hai: Từ câu: “Luận Du Già nói” tiếp xuống: Là chính thức giải thích tên gọi. Phần này gồm hai:

Một là, Nêu dẫn về chỗ lập danh của ba Tuệ chẳng đồng.

Hai là, dựa theo đấy để giải thích về tên gọi.

Trong phần một lược nêu ra bốn thuyết

- Căn cứ theo Nhiếp Luận thì ba Tuệ là:

Thứ nhất: Tuệ Gia hạnh không phân biệt

Thứ hai: Tuệ Căn bản không phân biệt.

Thứ ba: Tuệ Hậu đắc không phân biệt.

**Luận giải thích:** “Tuệ Gia hạnh không phân biệt”, tức là quán về Chân như, là Trí phương tiện thù thắng ở trước. “Tuệ Căn bản không phân biệt” tức là Trí của Quán Chân như. “Tuệ Hậu đắc không phân biệt” tức là Trí hiển bày mọi hiểu biết về thế gian, có thể làm dấy khởi vô số các sự việc.

- Lương Nhiếp Luận nói về ba Tuệ, trong đó đã giải thích: Từ sự nghe giáo pháp vô tướng của Đại thừa, đạt được văn Tuệ, Tư Tuệ, Tu Tuệ, tiến vào phân biệt về Tướng Không, gọi chung là Bát-nhã Gia hạnh không phân biệt. Nếu hội nhập vào ba Vô tánh thì Trí không phân biệt gọi là Bát-nhã căn bản không phân biệt. Như đạt được Trí không phân biệt, sau đấy mới có thể nhập nơi Quán, như ở nơi chỗ chứng đắc, hoặc tự tư duy, hoặc vì người khác mà giảng nói, gọi là “Bát-nhã hậu đắc không phân biệt”, do gồm đủ các nghĩa ấy nên nói Bát-nhã có ba

loại.

- Sở câu: “Kinh Bản Nghiệp nói do soi chiếu nơi ba đế”: Kinh viết: Một là Tuệ soi chiếu về đế Có. Hai là Tuệ soi chiếu về cửa đế Không. Ba là Tuệ soi chiếu về đế Trung đạo Đệ nhất nghĩa.

- Nói “Đều nêu rõ nghĩa của mười độ”: Tức nơi kinh đã nêu đủ về mười độ.

- Sở từ câu: “Kinh có mười độ” tiếp xuống: Là phần hai, dựa theo đây để giải thích tên gọi.

- Nói “Nay là thuận nơi văn”: Tức phần nhiều giống với Luận Du Già. Từ câu: “Tuy Luận ấy đã dựa nơi sáu độ” tiếp xuống: Là giải thích chỗ vướng mắc. Vấn nạn nêu: “Duy Thức cho rằng: Nếu dựa theo sáu độ thì Bát-nhã thâm tóm đủ ba Tuệ, tức Gia hạnh, Căn bản và Hậu đắc. Nếu là mười độ thì độ thứ sáu chỉ thâm tóm Trí không phân biệt. Nay, sao nêu dẫn sáu mà thành mười?” Do đó ở đây giải thích: Căn cứ nơi Viên dung, Hành bố mà nói thì cũng gồm luôn việc chính thức nêu rõ về nghĩa như kinh Bản Nghiệp.

- Sở từ câu: “Người xưa cũng dựa theo kinh Bản Nghiệp” tiếp xuống: Gồm ba phần:

Một: Trình bày kiến giải đã có từ trước.

Hai: Từ câu: “Ở đây đạt được thứ lớp nơi ba đế” tiếp xuống: Là biện giải về chỗ sai.

Ba: Từ câu: “Nay căn cứ nơi tính chất viên dung” tiếp xuống: Là biện giải về chỗ đúng. Trong đó vân vân còn sơ lược, nên nay nêu dẫn đủ về ba Tuệ.

Luận Du Già giải thích về Tướng của ba Tuệ nói: “Thế nào là Nhất thiết Tuệ của Bồ tát? Ở đây có hai loại: Một là Tuệ thế gian. Hai là Tuệ xuất thế gian. Lại có ba thứ:

Một là Tuệ có thể hội nhập nơi đối tượng được nhận biết chân thật, tùy theo đấy mà nhận biết thông đạt. Nghĩa là, như các Bồ tát, ở nơi nẻo Vô tánh của các pháp lìa mọi ngôn thuyết; hoặc ở nơi Chân đế nhằm đạt được giác ngộ; Hoặc lúc ở nơi Chân Đế chính thức giác ngộ; Hoặc ở nơi chân đế được giác ngộ về sau với chỗ Tuệ vi diệu có được, tịch tĩnh tối thắng luôn hiện rõ trước mắt, không có phân biệt, lìa mọi hý luận, ở nơi tất cả các pháp tỏ ngộ về Tánh bình đẳng, hội nhập tương chung lớn, cứu xét thấu tất cả biên vực của đối tượng được nhận biết, xa lìa hai bên tăng trưởng, tổn giảm, thuận nhập Trung đạo, đó gọi là Tuệ của Bồ tát có thể hội nhập nơi đối tượng được nhận biết chân thật, theo đây mà biết rõ, thông đạt”.

**Giải thích:** Căn cứ vào đây tức gồm đủ cả ba Tuệ: Gia hạnh, Căn bản và Hậu đắc, cũng nêu đủ về Thể của ba Tuệ là soi chiếu về nẻo có, nẻo không, soi chiếu về Trung đạo, là Tuệ thứ nhất. Nay, trong kinh văn, nội dung nơi đoạn thứ nhất đã nêu đủ về Tuệ của ba đế, nên so với đây thì đồng.

Hai là, giải thích Tuệ thứ hai đã nêu trên, tức chứng đắc về Chân, khéo tỏ nơi Tục, biết rộng về năm minh v.v... Luận viết: “Như các vị Bồ tát ở nơi năm Minh quyết định khéo léo diễn nói, như sức mạnh nơi các loại chúng tánh ở trước, nên biết tướng trạng của chúng và trong ba tụ quyết định thiện xảo. Tức là, ở chỗ có thể dẫn dắt đạt pháp tụ nghĩa lợi, có thể dẫn dắt đạt pháp tụ chẳng phải là nghĩa lợi, có thể dẫn dắt đạt pháp tụ chẳng phải là nghĩa lợi, chẳng phải là phi nghĩa lợi, tất cả đều nhận biết đúng như thật. Đối với tám xứ ấy, mọi Tuệ vi diệu hiện có, khéo léo thâm tóm, thọ nhận, có thể mau làm viên mãn Trí vi diệu vô thượng rộng lớn làm hành trang để chóng chứng đắc đạo quả giác ngộ vô thượng.

**Giải thích:** Đây là Tuệ Hậu đắc nhận biết rộng về ba Tụ của các pháp, tức khả năng dẫn dắt đạt nghĩa lợi v.v... ở trước. Cũng tức là Thiện, Ác, Vô ký cùng năm minh là tám xứ. năm minh tức Nội minh, Nhân minh v.v...

Ba là, giải thích Tuệ có khả năng tạo ra nghĩa lợi cho tất cả chúng sinh, gồm có mười một loại. “Như trước nên biết” tức Luận Du Già quyển thứ ba mươi bảy, phẩm Thành Thục. Thành thục nơi tự tánh tự có mười một loại:

Một: Do có chủng tử của pháp thiện.

Hai: Luôn tu tập các pháp thiện

Ba: Đạt được khả năng thuận hợp với việc đoạn sạch hai chướng

Bốn: Tâm tăng trưởng có tánh gắng thọ nhận.

Năm: Điều hợp hết mực tánh thiện.

Sáu: Gia hạnh đúng đắn, viên mãn.

Bảy: An trụ nơi đấy. Hoặc gặp bậc đại sư hay chẳng gặp đều có sự gắng sức thọ nhận.

Tám: Có uy lực lớn.

Chín: Liên tục tu tập để có thể chứng đắc, đoạn trừ phiền não chướng.

Mười: Đoạn trừ Sở tri chướng.

Mười một: Ví như ung nhọt chín mùi cho đến cuối cùng thì thường xuyên có thể phá bỏ, ấy gọi là thành thục.



Mười loại trước là biện minh riêng. Một loại sau là nêu dụ chung về tướng thành thực.

- Sở câu: “Trụ nơi vô đắc là Hiện, Hiện là vô đắc”: An trụ nơi “Không chỗ thủ đắc” tức là Quán Không. Chỉ rõ thân “Không chỗ thủ đắc” v.v... tức Giả quán. Cho nên nói “Trụ nơi vô đắc là hiện bày. Hiện tức là Vô đắc”, trên là hai mà không hai tức Trung đạo quán, do đấy viết là: Cái dụng tịch tĩnh là vô ngại, đấy là Trung đạo”.

- Từ câu: “Nếu khác với chỗ có không sau” tiếp xuống: Là tóm kết, phê phán kiến giải của người xưa.

Do kinh Anh Lạc nói về ba Tuệ đã phối hợp riêng, đạt được Tuệ Trung đạo, ấy là Trung của hai thứ đối đãi nhau chẳng phải đạt được cái trung riêng.

- Sở từ câu: “Vì sao? Như quán thiên lệch về ba đế” tiếp xuống: Là nêu ra tướng lỗi lầm của thứ lớp nơi ba Quán. Có tức có cố định, có cố định thì vững nơi chấp thường, do đã lìa không. Không cố định thì vững nơi chấp đoạn, do đã lìa có. Lìa cả hai, nêu rõ về Trung nên là đối đãi nhau.

- Sở từ câu: “Như quán chung” tiếp xuống: Là chỉ rõ đức viên dung của ba Quán. Trong đó:

Một: Có hai câu, hướng lên trên thì thành lỗi của thứ lớp. Biện minh thứ lớp nơi ba Quán có lỗi về một, khác.

Hai: Tức là hai câu đầu, trở lại giải thích việc cùng ngăn chặn nơi ba (đế) một (Thật)

Từ câu: “Cho nên tức một mà là ba” tiếp xuống: Là cả hai cùng dung thông, trong đó có đủ bốn Luận chứng (câu)

Điều dung thông tức một mà là ba là một câu. Tức ba mà là một là câu thứ hai. Cùng phủ nhận cả ba, một là câu cùng phủ nhận cả hai. Do tức một mà là ba nên chẳng phải là ba. Tức là ba mà một nên chẳng phải là một là câu bốn. Tuy tức là một Thể mà là ba dụng hiện rõ. Tuy có ba dụng mà là một Thể không hai. Cho nên cùng soi chiếu cả ba, một tức ngăn chặn mà là soi chiếu, tức soi chiếu mà là ngăn chặn, nên viên dung.

- Từ câu: “Ở nơi cảnh” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận về Quán đế.

- Sở từ câu: “Bậc cổ đức” tiếp xuống: Là trình bày kiến giải đã có từ trước. Tuy chẳng phải là ý của kinh nhưng vẫn giải thích có ít nhiều sự khéo léo nên lại nêu ra, do vậy viết là “Cũng là một lý”, do Duy Thức nói về tướng của Quán chẳng làm rõ, nên chẳng cho là đúng.



- Sở câu: “Cho nên Tấn kinh cho rằng: chẳng phải là có mà nói có”: Kinh hiện nay (Bản dịch vào đời Đường) không có phần này, chỉ rõ ý cùng ẩn giấu. Chỉ có câu “Nẻo ngôn ngữ đều dứt tuyệt” tức chung cho Thân ý, nên dẫn ra Tấn kinh, ý ở câu “Nói có”.

- Sở từ câu: “Nhưng chỗ trụ nêu trên” tiếp xuống: Giải thích tổng quát về chỗ trụ của ba nghiệp nêu trên chẳng giống nhau.

Nói “Một Tâm như thật, tức Tâm của Tự tánh thanh tịnh”: Kinh Thắng Man, Luận Khởi Tín v.v... Đều dùng tên gọi này. Luận Trang Nghiêm quyển thứ sáu, viết: “Chúng sinh đối với “Vô tánh” “Có thể đạt được”, trong hai xứ này cùng sinh sợ hãi. Vì nhằm ngăn chặn tâm sợ hãi ấy, mà nói”. Tụng viết:

*“Như nước trong bị đục  
Trừ uế, trở lại trong  
Tự tâm tịnh cũng thế  
Chính do lia khách trần.  
Do nói tâm tánh tịnh  
Mà bị khách trần nhiễm  
Chẳng lia tâm chân như  
Riêng có Tâm tánh tịnh”.*

**Giải thích:** Kệ sau giải thích kệ trước, nửa trên của kệ sau hợp với nửa trên của kệ trước. Nửa sau giải thích nửa sau. Đã cho “Chẳng lia tâm Chân như, riêng có Tánh của Tâm”, nên biết rõ chỉ là lia nơi khách trần gọi đó là thanh tịnh. Thể tịnh tức là tự tâm. Tâm tức là Chân như. Tâm tịnh của Tự tánh ấy tức là Như Lai tạng, cũng là Thức xưa nay vốn thanh tịnh. Cho nên Tam Tạng Chân đế đã nói có chín Thức. Thức thứ chín gọi là Thức A-ma-la. Như Đường Tam Tạng thì dịch thức này là Vô cấu, tức tên gọi khác của Thức thứ tám, nghĩa là khi thành Phật thì chuyển thức thứ tám thành thức này, chứ không có riêng thức thứ chín.

Nếu dựa theo kinh Mật Nghiêm thì Tâm có tám thức, hoặc lại có chín thức. Quyển Hạ của kinh viết:

*“Tạng Như Lai thanh tịnh  
Cũng gọi Trí vô cấu”*

Tức đồng với chỗ lập thức thứ chín của Ngài Tam tạng Chân Đế. Lại nữa, Ngài Tam Tạng Chân Đế đã dịch Luận Quyết Định Tạng, phẩm chín Thức nói về thức thứ chín là A-ma-la, Ngài dịch: “Thức A- ma- la có hai loại: Một là đối tượng được duyên tức là Chân như. Hai là Bản giác tức là Trí của Chân như. Chủ thể duyên tức là Như Lai tạng của “Chẳng không”, đối tượng được duyên tức là Như Lai tạng của Không.

Còn như dựa theo chỗ bàn luận chung thì hai thứ này cùng lấy Chân như làm Thể. Cho nên Luận Khởi Tín nói “Một Tâm có hai môn”, trong môn sinh diệt nói về cái Bản giác kia, tức là môn Chân như, mà Thể vốn không hai.

Các tên gọi còn lại tùy theo chỗ giải thích có thể nhận biết.

- Sở câu: “Nêu lên nhiều tên gọi”: Tức bảy tên gọi ở trên, gồm thâu cả chân như pháp giới, lược có một trăm tên gọi, Quyền giáo sử dụng tối đa. Nói “Một trăm tên gọi”, đó là:

Pháp tánh, Tánh chẳng hư vọng, Tánh chẳng biến đổi, Tánh bình đẳng, Tánh Ly sinh. Pháp định. Pháp trụ. Thật đế, Cõi Hư không, Cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. (Trên đây là chữ dùng của kinh Đại Bát-nhã), Chân như, Thật hữu, Tánh không, Bất không. Thắng nghĩa (Phật địa Luận, Nhiếp Luận) Vô tướng, Vô vi chánh tánh. (Kinh Tư Ích) Pháp vị. Chân Tính. Vô ngã tánh. Chân thật tánh. Tâm tánh nhất tâm (Trên là chữ nơi kinh Đại Phẩm), Duy Thức tánh. Vô tánh. Pháp Ấn (kinh Hoa Nghiêm) Tịch diệt (Trí Luận).

Trong ba Tánh gọi là Tánh Viên Thành Thật. Trong ba Thân gọi là Pháp thân. Trong ba Tịnh độ gọi là Pháp tánh độ. Trong ba Phật tánh gọi là Tự tánh Trụ tánh. Trong năm pháp là Như Như. Trong năm Tạng gọi là đều gọi là Pháp giới tạng. Pháp Thân tạng. Xuất thế gian thượng thượng tạng. Tự Tánh thanh tịnh tạng. Như lai tạng. Trong bốn Thắng nghĩa gọi là Thắng nghĩa của Thắng nghĩa. Cũng chung cho việc Chứng đắc. Trong đạo lý gọi là diệt đế. (Luận Du Già quyển sáu mươi bốn) Trong sáu đế cũng gọi là Chân đế. Trong chỗ thông đạt về bảy đế của Hiện Quán gọi là Pháp tánh.

Luận Hiển Dương nói về hai thứ Phật tánh gọi là Lý Phật tánh. Trong mười bốn đế gọi là Thắng nghĩa đế. Trong ba Bát-nhã gọi là Thật tướng Bát-nhã. Trong ba thứ Tam Bảo gọi là Nhất Thể Tam bảo. Trong ba môn Giải thoát gọi là Không (Trí Luận quyển bảy mươi bốn). Trong hai Quả gọi là Trí Quả. Trong Niết-bàn gọi là Tánh Tịnh, Phương tiện tịnh. Trong hai đế gọi là Chân đế, Thắng Nghĩa đế. Trong ba đế gọi là Không đế. (Kinh Nhân Vương). Trong bốn đế gọi là diệt đế, hoặc gọi là Thật đế. Luận Hiển dương gọi là Nhất đế. Hoặc gọi là Trung đạo. Hoặc gọi là Giải thoát..

Trong kinh Niết-bàn đã dùng một trăm môn để hiển bày các tên gọi khác của Giải Thoát. Hoặc gọi là Pháp môn Bất nhị. Hoặc gọi là Tánh không hai. Hoặc gọi là Thật tánh. Hoặc gọi là Thật Tướng. Hoặc gọi là Vô lượng nghĩa. Cũng gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Cũng gọi là Đệ

nhất nghĩa không.

Từ trên đây các tên gọi hoặc ở trong Đại thừa Quyền giáo, chỉ là dựa theo Lý để gọi tên. Nếu trong Thật giáo thì hoặc căn cứ theo “Tức Lý của Sự”, “Tức Sự của Lý”, “Sự Sự Vô ngại”, rõ ràng là thông hợp cả Quyền giáo, Thật giáo.

- Sở câu: “Năm gọi là không đạt được công dụng của Vật”:

Như dựa nơi thế tục thì danh là để nói lên Thật, Thật do xứng hợp với danh. Cho nên sai khiến về Lửa thì chẳng thể ở nơi Nước, sai khiến về nước thì chẳng thể có nơi Lửa. Nay, căn cứ nơi Chân đế nên bình đẳng, không có sự nương tựa.

Nên nơi câu năm, sáu ở đây đều có hai phần: Một là nêu lên tính chất không có chỗ nương tựa. Hai là, từ câu “Như danh ở nơi Pháp” tiếp xuống: Là giải thích, xác nhận bằng cách nêu ngược lại. Như có một người, tuy trước đã biết qua, nhưng đã lâu chưa từng cùng biết nhau, bỗng đứng gặp mặt, rốt cuộc chẳng thể biết đây là người nào, đó là thấy nghĩa nhưng chẳng biết danh. Nghĩa tức là nghĩa của Cảnh. Trong câu sáu, có người tuy nghe về danh nhưng cuối cùng chẳng biết về mặt. “Gọi lửa, chẳng thể thiêu đốt nơi miệng”, nên biết rõ trong danh không có Nghĩa. Cho nên cũng nói: “Ăn cơm xong thì no”. Trí Luận quyển thứ bốn mươi bảy viết: “Gồm có hai pháp: Một là danh tự. Hai là nghĩa của danh tự. Như Lửa có khả năng soi sáng, còn khả năng thiêu đốt là nghĩa của sự soi sáng kia. Soi sáng là hình sắc được tạo ra. Thiêu đốt là dụng của Lửa. Hai Pháp Hoà hợp, gọi là Lửa. Nay nghe tên gọi của Lửa, nhưng chẳng thể thấy được nghĩa soi sáng, thiêu đốt nên gọi là “Không đạt được công dụng của Vật”.

- Sở câu: “Tuy nhiên, Thế pháp cùng với Phật pháp thật sự không có hai Thế”: Tức đồng một Chân như, nên không một sự vật nào chẳng phải là Chân. Sự cũng tức là Như, nên nói giả căn cứ nơi Sự Lý để phân ra làm hai.

- Sở câu: “Cho nên dùng năm câu để hiển bày chẳng phải là một, khác”: Hai câu đầu là hợp với Tướng để biện giải chung. Chẳng phải là một, khác chính là chẳng phải là một. Một câu thứ ba chính là biện minh về chẳng khác. Một câu bốn là biện minh riêng về chẳng là một. Câu năm “Cũng không sai biệt” tức là “Sự Sự Vô ngại”. Câu thứ sáu là “Thấu rõ” tức nêu ra chung về nguyên do.

- Sở câu: “Nếu căn cứ nơi Lộ, Vô lộ...”: Đối chiếu với Sự, Lý ở trên thì hai pháp ấy đều chung cả Sự, Lý. Hai câu đầu trên tức chẳng phải là một. Nay, căn cứ nơi Lộ, Vô lộ v.v... thì nghĩa của hai câu đầu



---

trở thành chẳng phải là khác, do tương tức. Câu ba căn cứ nơi đồng Thể. Câu bốn chẳng huỷ hoại Sự. Câu năm là Sự sự Vô ngại.

- Sớ câu: “Chẳng phải như tám địa tâm muốn buông bỏ”: Tức Bồ tát tám địa chứng đắc pháp Nhãn Vô sinh, nên muốn buông bỏ sự việc đem lại lợi ích cho chúng sinh, nên chư Phật khuyến khích khiến Bồ tát nhớ lại bản nguyện đem lại lợi lạc cho chúng sinh, tức chẳng quên tâm gốc, chẳng bỏ nơi thệ nguyện, như tim đèn tức là ngọn đèn của tâm Bồ đề.

- Sớ câu: “Hai là rơi vào lỗi lầm về tham lam keo kiệt”: Kinh Pháp Hoa quyển thứ nhất nói: “Tự chứng đạo quả vô thượng là giáo pháp Đại thừa bình đẳng. Nếu dùng giáo pháp Tiểu thừa để giáo hoá, cho dù chỉ nơi một người thì Ta sẽ rơi vào chỗ tham lam, keo kiệt”. Đây là điều không thể có được. Hạnh thứ sáu đã bàn xong.

